ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 159 + 160)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 2: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 01 đến mốc số 60/8 thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 24/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 04 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 24/4(1) cắm trên bờ sông Sa Thầy phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 24/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 24/4(1) và cột mốc 24/4(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sa Thầy là 46,33m.	1544358,30 765140,21	13 57 25,766 107 27 14,723	150,04 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			148,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/3(2) đến cột mốc số 24/4(1) là 182°25'37,670", khoảng cách là 1403,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/4(1) đến cột mốc số 24/4(2) là 106°33'39,654", khoảng cách là 94,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/4(1) đến cột mốc số 24/5(1) là 183°16'49,953", khoảng cách là 1895,33m.	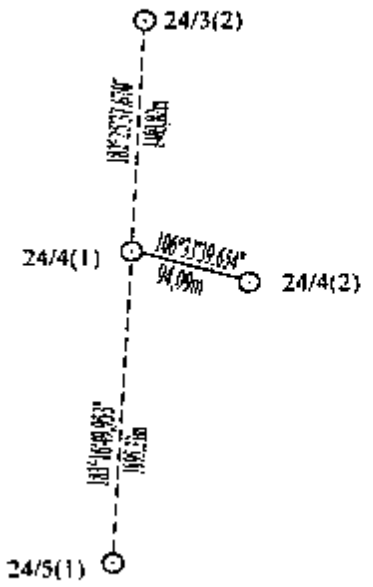		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 24/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 06 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 24/4(2) cắm trên bờ sông Sa Thầy phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 24/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 24/4(2) và cột mốc số 24/4(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sa Thầy là 47,76m.	1544331,48 765230,40	13 57 24,864 107 27 17,717	150,25 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 149,05

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/3(2) đến cột mốc số 24/4(2) là 178°46'04,788", khoảng cách là 1429,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/4(1) đến cột mốc số 24/4(2) là 106°33'39,654", khoảng cách là 94,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/4(2) đến cột mốc số 24/5(1) là 186°04'43,059", khoảng cách là 1875,95m.	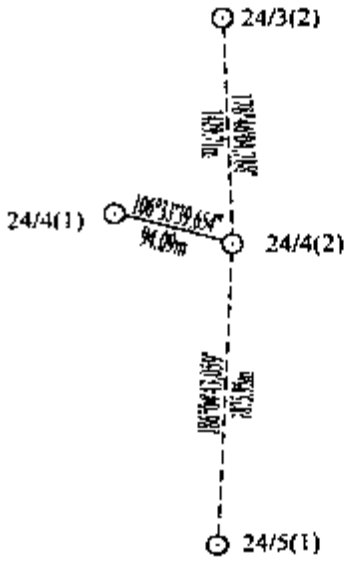

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 24/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 09 tháng 04 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 24/5(1) cắm trên bờ sông Sa Thầy phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 24/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 24/5(1) và cột mốc số 24/5(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sa Thầy là 58,64m.	1542466,08 765031.75	13 56 24,265 107 27 10,461	160,25 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			159,05
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/4(2) đến cột mốc số 24/5(1) là 186°04'43,059". khoảng cách là 1875,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(1) đến cột mốc số 24/5(2) là 90°01'17,806". khoảng cách là 132,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(1) đến cột mốc số 25(1) là 167°24'04,254". khoảng cách là 2010,56m.	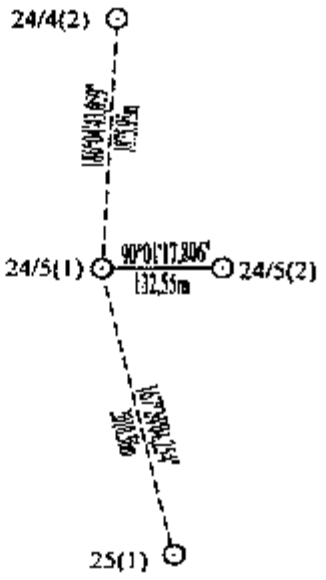		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 24/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 06 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 24/5(2) cắm trên bờ sông Sa Thầy phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 24/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 24/5(2) và cột mốc số 24/5(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sa Thầy là 73.91m.	1542466,03 765164,30	13 56 24,219 107 27 14,874	149,49 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 148,29

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/4(2) đến cột mốc số 24/5(2) là 182°01'45,691", khoảng cách là 1866,62m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(1) đến cột mốc số 24/5(2) là 90°01'17,806", khoảng cách là 132,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(2) đến cột mốc số 25(1) là 171°08'08,956", khoảng cách là 1985,82m.	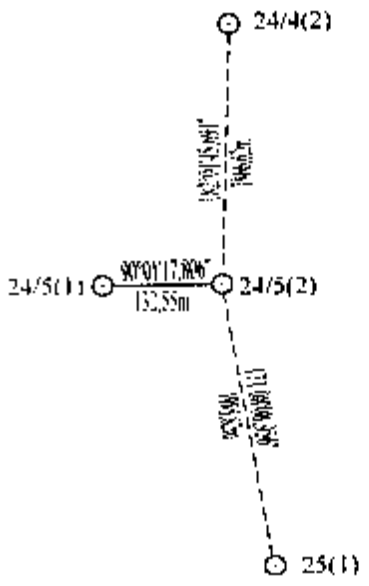

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại C	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 4 năm 2008

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 25(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy chính của sông Sa Thầy với trung tuyến dòng chảy chính của sông Sê San chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 158,17m. Khoảng cách từ cột mốc số 25(1) đến 3 điểm (là giao điểm của đường thẳng nối liền cột mốc số 25(1) và cột mốc số 25(2) với đường biên giới) lần lượt là 338,92m, 417,42m và 478,32m. Khoảng cách từ cột mốc số 25(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 25(3) là 109,39m.	1540503,93 765470,30	13 55 20,306 107 27 24,388	146,61 (1,90) Độ cao mặt đất (m) 144,71

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(2) đến cột mốc số 25(1) là 171°08'08,956", khoảng cách là 1985,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc số 25(2) là 17°02'12,301", khoảng cách là 564,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc số 25(3) là 67°49'14,412", khoảng cách là 482,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(2) đến cột mốc số 25(3) là 141°44'52,848", khoảng cách là 455,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc 25/1(1) là 101°46'26,604", khoảng cách là 1572,24m.	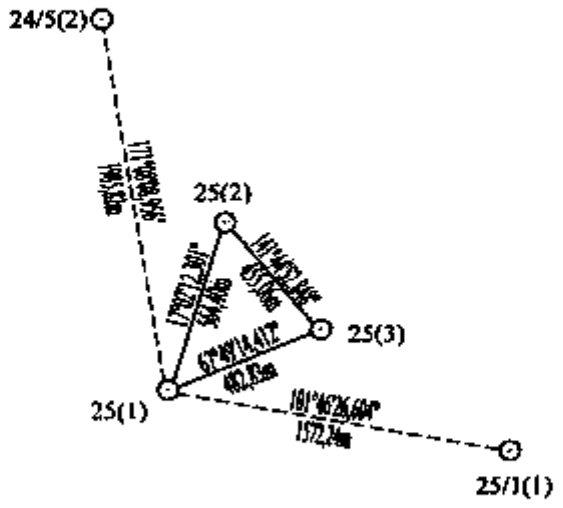

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại C	Đá hoa cương	Ngày 16 tháng 4 năm 2008

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25(2) cắm trên bờ sông Sa Thầy phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 25(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy chính của sông Sa Thầy với trung tuyến dòng chảy chính của sông Sê San chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 430,67m. Khoảng cách từ cột mốc số 25(2) đến 3 điểm (là giao điểm của đường thẳng nối liền cột mốc số 25(2) và cột mốc số 25(1) với đường biên giới) lần lượt là 86,08m, 146.98m và 225.48m.	1541043,56 765635,66	13 55 37,800 107 27 30,079	147,99 (2,45) Độ cao mặt đất (m) 145,54

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(2) đến cột mốc số 25(2) là 161°39'59,376", khoảng cách là 1498,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc số 25(2) là 17°02'12,301", khoảng cách là 564,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc số 25(3) là 67°49'14,412", khoảng cách là 482,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(2) đến cột mốc số 25(3) là 141°44'52.848", khoảng cách là 455,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(2) đến cột mốc 25/1(1) là 122°03'36,302", khoảng cách là 1621,02m.	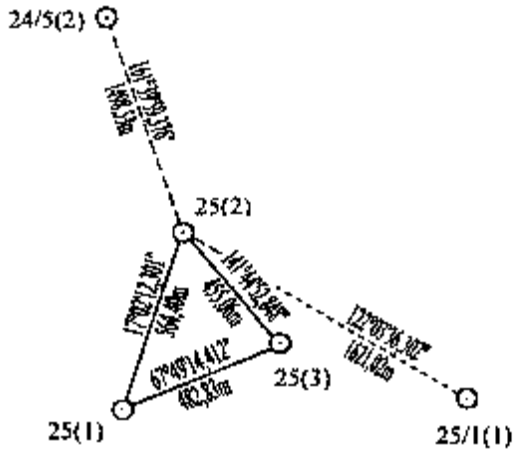

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại C	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 4 năm 2008

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25(3) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 25(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy chính của sông Sa Thầy với trung tuyến dòng chảy chính của sông Sê San chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 342,97m. Khoảng cách từ cột mốc số 25(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 25(1) là 373,44m.	1540686,20 765917,40	13 55 26,083 107 27 39,337	175,26 (1,90)
			Độ cao mặt đất (m)
			173,36

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 24/5(2) đến cột mốc số 25(3) là 157°03'55,101", khoảng cách là 1932,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc số 25(2) là 17°02'12,301", khoảng cách là 564,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(1) đến cột mốc số 25(3) là 67°49'14,412", khoảng cách là 482,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(2) đến cột mốc số 25(3) là 141°44'52,848", khoảng cách là 455,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(3) đến cột mốc 25/1(1) là 114°44'04,452", khoảng cách là 1202,37m.	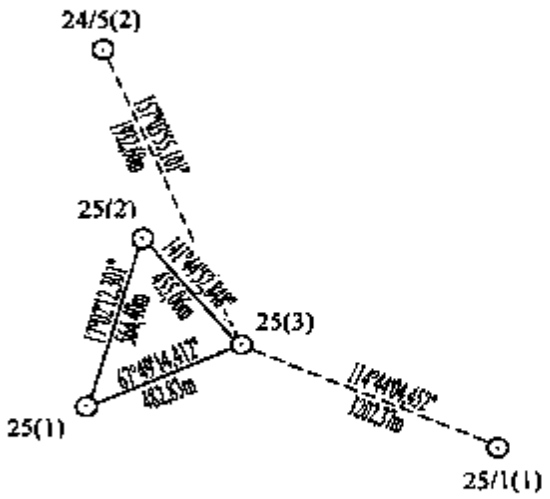

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/1(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 25/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/1(1) và cột mốc số 25/1(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 210,19m.	1540183,11 767009,46	13 55 09,355 107 28 15,522	147,00 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 145,80

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(3) đến cột mốc số 25/1(1) là 114°44' 04.452", khoảng cách là 1202,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/1(1) đến cột mốc số 25/1(2) là 57°51'04,338", khoảng cách là 395,96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/1(1) đến cột mốc số 25/2(1) là 184°43'38,891", khoảng cách là 2287,53m.	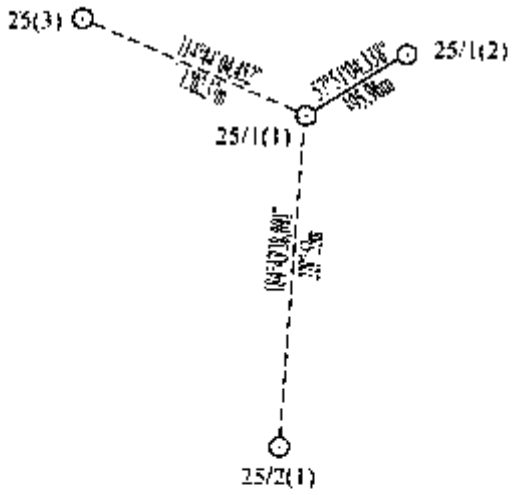

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/1(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 25/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/1(2) và cột mốc số 25/1(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 185,77m .	1540393,81 767344,71	13 55 16,094 107 28 26,757	145.05 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			143.85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25(3) đến cột mốc số 25/1(2) là 101°34'37,531", khoảng cách là 1456,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/1(1) đến cột mốc số 25/1(2) là 57°51'04,338", khoảng cách là 395,96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/1(2) đến cột mốc số 25/2(1) là 191°52'37,510", khoảng cách là 2544,93m.	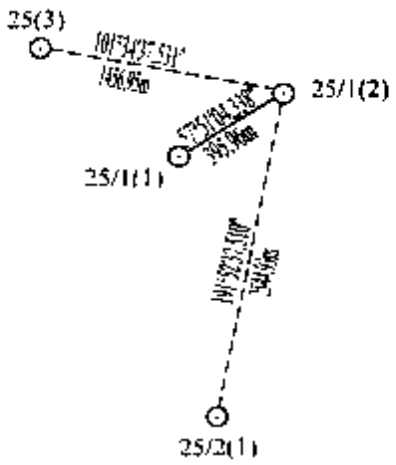

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/2(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 25/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/2(1) và cột mốc số 25/2(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 144.89m.	1537903.36 766820.93	13 53 55.278 107 28 08.459	145.54 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 144.34

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/1(2) đến cột mốc số 25/2(1) là 191°52'37.510", khoảng cách là 2544.93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/2(1) đến cột mốc số 25/2(2) là 81°22'37.720", khoảng cách là 295.34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/2(1) đến cột mốc số 25/3(1) là 212°17'10.640", khoảng cách là 2383.24m.	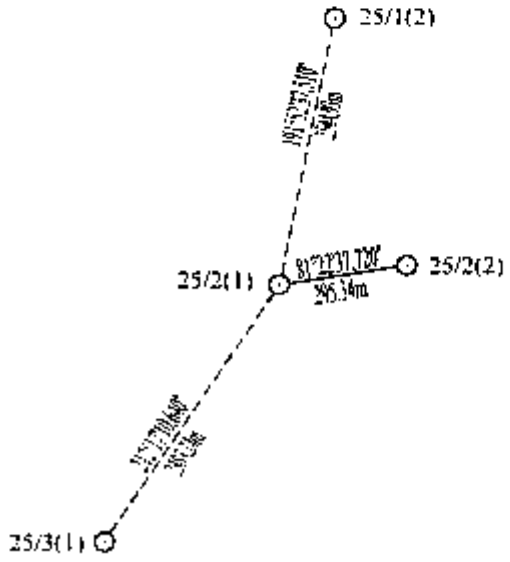

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/2(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 25/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/2(2) và cột mốc số 25/2(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 150,45m.	1537947,64 767112,93	13 53 56,620 107 28 18,194	144,63 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 143,43

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/1(2) đến cột mốc số 25/2(2) là 185°24'45,869", khoảng cách là 2457,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/2(1) đến cột mốc số 25/2(2) là 81°22'37,720", khoảng cách là 295,34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/2(2) đến cột mốc số 25/3(1) là 217°14'13,784", khoảng cách là 2586,30m.	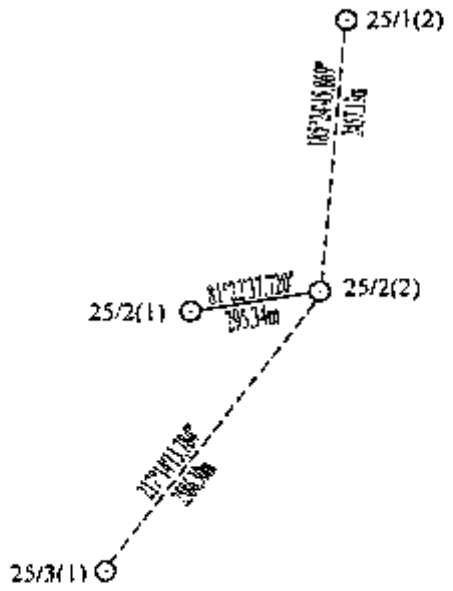

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/3(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 25/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/3(1) và cột mốc số 25/3(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 152.23m.	1535888,59 765547,92	13 52 50,183 107 27 25,389	144,49 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			143,29
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/2(2) đến cột mốc số 25/3(1) là 217°14'13.784", khoảng cách là 2586,30m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/3(1) đến cột mốc số 25/3(2) là 131°31'04.913", khoảng cách là 307,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/3(1) đến cột mốc số 25/4(1) là 152°57'52.817", khoảng cách là 3419,57m.	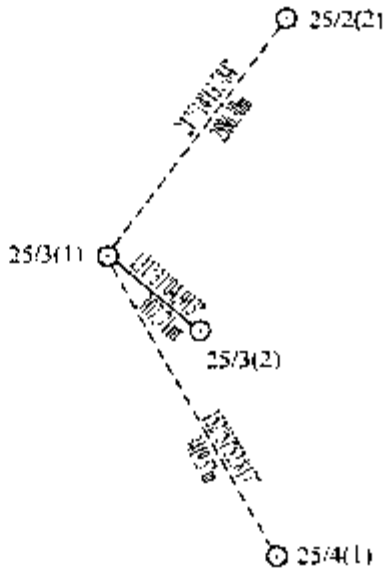		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đội cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/3(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 25/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/3(2) và cột mốc số 25/3(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 155,48m.	1535684,62 765778,32	13 52 43,473 107 27 32,988	144,39 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			143,19
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/2(2) đến cột mốc số 25/3(2) là 210°31'47.513", khoảng cách là 2627.25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/3(1) đến cột mốc số 25/3(2) là 131°31'04.913", khoảng cách là 307.71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/3(2) đến cột mốc số 25/4(1) là 155°01'16.544", khoảng cách là 3135.18m.	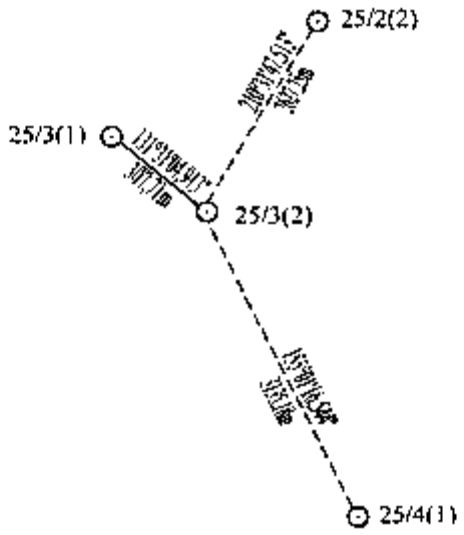		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/4(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 25/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/4(1) và cột mốc số 25/4(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 178,84m.	1532842.69 767102.25	13 51 10.605 107 28 16.081	141,06 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			139,86

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/3(2) đến cột mốc số 25/4(1) là 155°01'16,544", khoảng cách là 3135,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/4(1) đến cột mốc số 25/4(2) là 105°06'23,524", khoảng cách là 331,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/4(1) đến cột mốc số 26(1) là 204°45'50,760", khoảng cách là 931,50m.	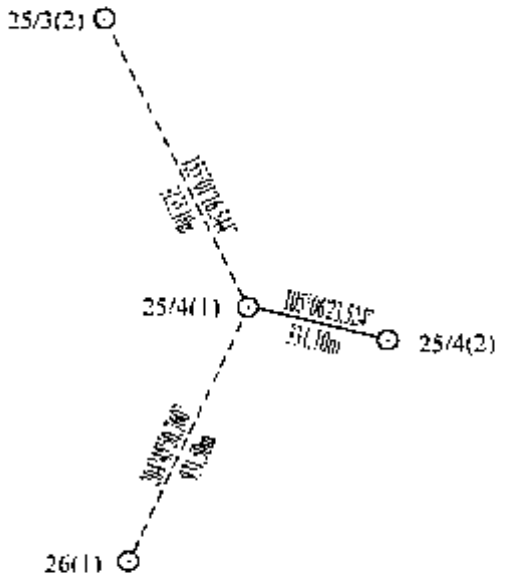

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 25/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 25/4(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 25/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 25/4(2) và cột mốc số 25/4(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 152.26m.	1532756.40 767421.91	13 51 07.692 107 28 26.690	137.95 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 136.75

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/3(2) đến cột mốc số 25/4(2) là 150°41'41.274", khoảng cách là 3357,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/4(1) đến cột mốc số 25/4(2) là 105°06'23.524", khoảng cách là 331.10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/4(2) đến cột mốc số 26(1) là 223°03'46,096", khoảng cách là 1039.62m.	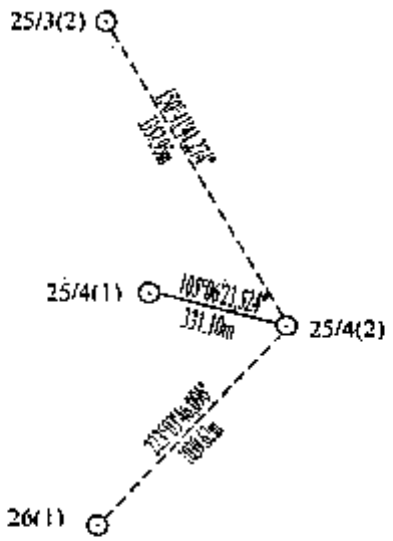

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 26(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 5 năm 2012

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 26(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 26(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 26(1) và cột mốc số 26(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 178,65m.	1531996,85 766712,06	13 50 43,229 107 28 02,803	146,18 (6,27) Độ cao mặt đất (m) 139,91

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/4(2) đến cột mốc số 26(1) là 223°03'46,096", khoảng cách là 1039,62m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26(1) đến cột mốc số 26(2) là 118°19'39,982", khoảng cách là 357,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26(1) đến cột mốc số 26/1(1) là 219°27'55,994", khoảng cách là 1634,99m.	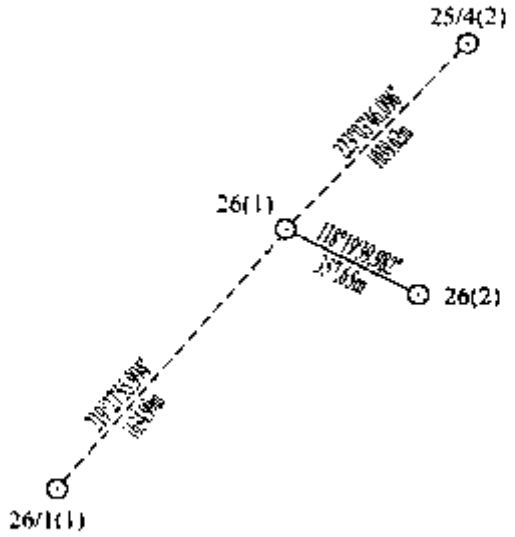

171

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 26(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đội cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 04 tháng 5 năm 2012	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 26(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 26(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 26(2) và cột mốc số 26(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 179,00m.	1531827,14 767026,88	13 50 37,604 107 28 13,223	141,09 (4,37) Độ cao mặt đất (m) 136,72
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 25/4(2) đến cột mốc số 26(2) là 203°01'49,537", khoảng cách là 1009,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26(1) đến cột mốc số 26(2) là 118°19'39,982", khoảng cách là 357,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26(2) đến cột mốc số 26/1(1) là 231°06'05,771", khoảng cách là 1739,83m.	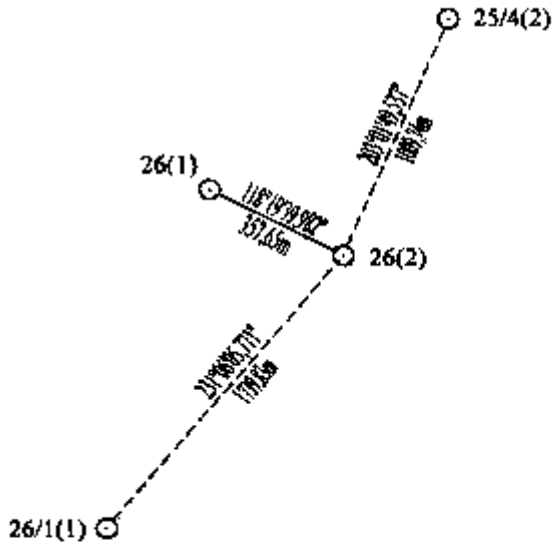		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 26/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 26/1(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 26/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 26/1(1) và cột mốc số 26/1(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 168,06m.	1530734,63 765672,84	13 50 02,527 107 27 27,783	136,77 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 135,57

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26(2) đến cột mốc số 26/1(1) là 231°06'05,771", khoảng cách là 1739,83m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/1(1) đến cột mốc số 26/1(2) là 140°38'46,388", khoảng cách là 353,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/1(1) đến cột mốc số 26/2(1) là 171°59'13,826", khoảng cách là 1908,32m.	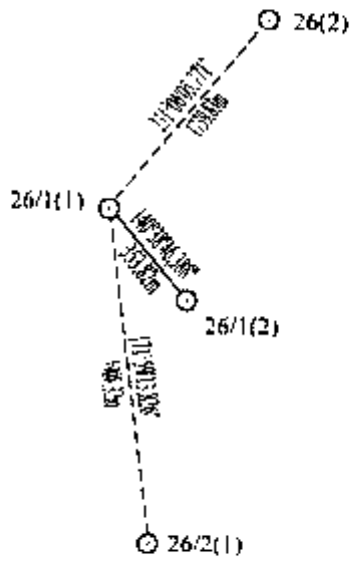

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 26/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 26/1(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 26/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 26/1(2) và cột mốc số 26/1(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 185,76m.	1530461,04 765897,20	13 49 53,555 107 27 35,157	139,03 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 137,83

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26(2) đến cột mốc số 26/1(2) là 219°35'19,099", khoảng cách là 1772,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/1(1) đến cột mốc số 26/1(2) là 140°38'46,388", khoảng cách là 353,82m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/1(2) đến cột mốc số 26/2(1) là 178°31'25,336", khoảng cách là 1616,64m.	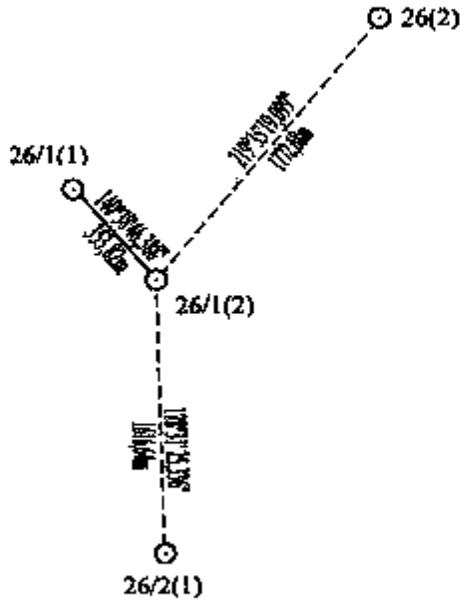

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 26/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 26/2(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 26/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 26/2(1) và cột mốc số 26/2(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 163,38m.	1528844,94 765938,85	13 49 00,983 107 27 35,991	137,42 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 136,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/1(2) đến cột mốc số 26/2(1) là 178°31'25,336", khoảng cách là 1616,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/2(1) đến cột mốc số 26/2(2) là 70°21'06,070", khoảng cách là 300,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/2(1) đến cột mốc số 27(1) là 204°57'51,706", khoảng cách là 2494,01m.	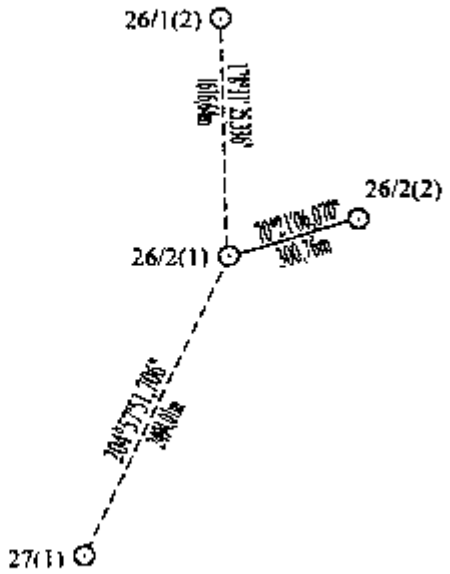		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 26/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 26/2(2) cắm trên bờ sông Sê San phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 26/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 26/2(2) và cột mốc số 26/2(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 137,38m.	1528946,07 766222,10	13 49 04,177 107 27 45,452	137,18 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 135,98

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/1(2) đến cột mốc số 26/2(2) là 167°53'44,566", khoảng cách là 1549,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/2(1) đến cột mốc số 26/2(2) là 70°21'06,070", khoảng cách là 300,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/2(2) đến cột mốc số 27(1) là 209°29'22,368", khoảng cách là 2713,70m.	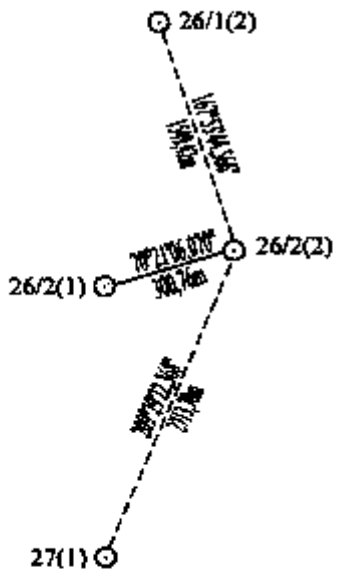

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 05 năm 2008

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27(1) cắm trên bờ sông Sê San phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 27(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 27(1) và cột mốc số 27(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 185,93m.	1526583,94 764886,24	13 47 47,801 107 27 00,192	133,41 (1,50) Độ cao mặt đất (m) 131,91

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/2(2) đến cột mốc số 27(1) là 209°29'22,368", khoảng cách là 2713,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27(1) đến cột mốc số 27(2) là 141°05'49,409", khoảng cách là 359,57m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27(1) đến cột mốc số 27/1 là 138°30'37,064", khoảng cách là 771,11m.	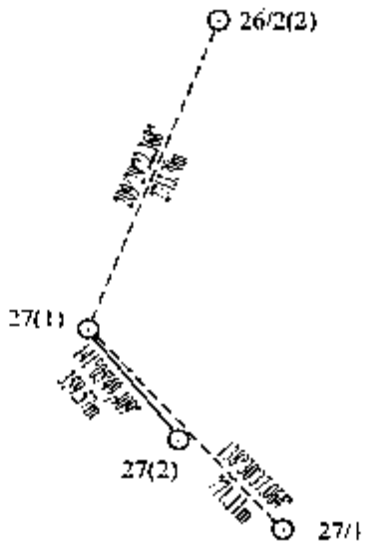

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 05 năm 2008	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27(2) cắm trên đường biên giới. Khoảng cách từ cột mốc số 27(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 27(2) và cột mốc số 27(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Sê San là 173,64m.	1526304,12 765112,05	13 47 38,626 107 27 07,611	132.88 (1,70)
			Độ cao mặt đất (m)
			131,18
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 26/2(2) đến cột mốc số 27(2) là 202°47'25,263", khoảng cách là 2865,68m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27(1) đến cột mốc số 27(2) là 141°05'49,409", khoảng cách là 359,57m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27(2) đến cột mốc số 27/1 là 136°15'14,993", khoảng cách là 412,23m.	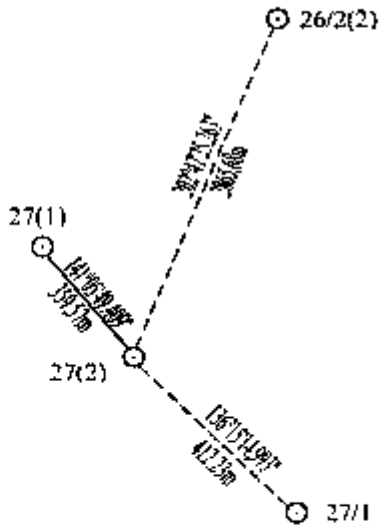		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 03 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27/1 cắm trên đất rừng.	1526006.32 765397.09	13 47 28.847 107 27 16.995	129.30 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			128.10

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27(2) đến cột mốc số 27/1 là 136°15'14.993", khoảng cách là 412.23m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/1 đến cột mốc số 27/2 là 121°21'45.693", khoảng cách là 657.16m.	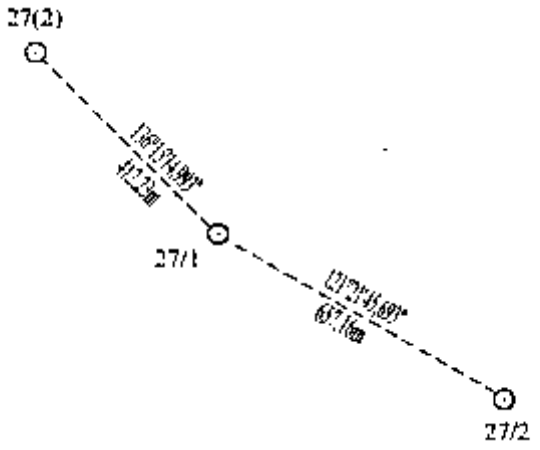

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 01 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27/2 cắm trên bãi đất rừng.	1525664,30 765958,23	13 47 17,537 107 27 35,551	131,65 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			128,45
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/1 đến cột mốc số 27/2 là 121°21'45.693". khoảng cách là 657,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/2 đến cột mốc số 27/3 là 129°53'38,283". khoảng cách là 501,26m.	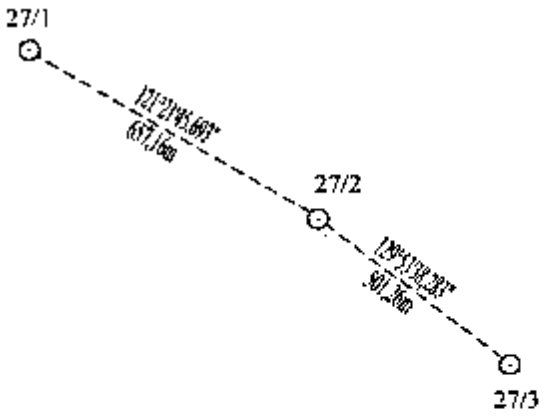		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 03 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27/3 cắm trên giông núi.	1525342.81 766342.81	13 47 06,954 107 27 48,238	133.46 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			132.26

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/2 đến cột mốc số 27/3 là 129°53'38.283", khoảng cách là 501.26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/3 đến cột mốc số 27/4 là 126°50'24.887", khoảng cách là 452.16m.	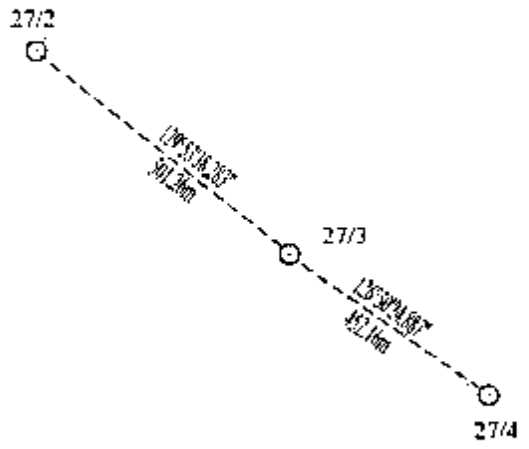

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 01 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27/4 cắm trên giông núi.	1525071.70 766704.68	13 46 58.016 107 28 00.186	136.90 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			135.70

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/3 đến cột mốc số 27/4 là 126°50'24.887", khoảng cách là 452.16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/4 đến cột mốc số 27/5 là 124°30'39.180", khoảng cách là 500.09m.	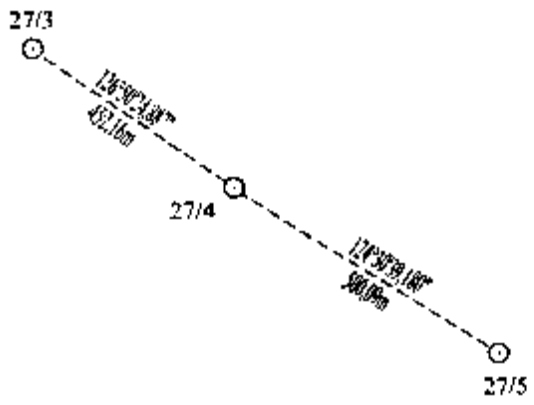

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 27/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 04 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 27/5 cắm trên giông núi.	1524788,37 767116,76	13 46 48,664 107 28 13,801	132,33 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			131,13

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/4 đến cột mốc số 27/5 là 124°30'39,180", khoảng cách là 500,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/5 đến cột mốc số 28 là 127°49'58,787", khoảng cách là 409,32m.	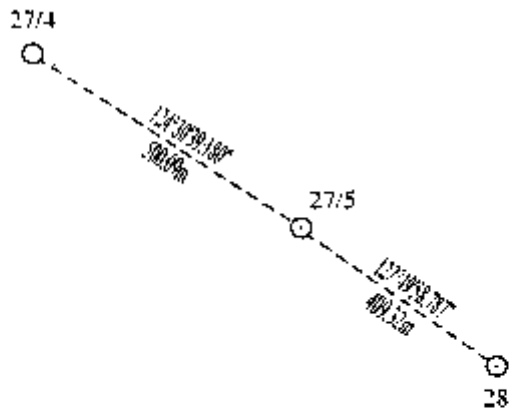

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 28

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 18 tháng 05 năm 2008

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 28 cắm trên giông núi.	1524537,31 767440,04	13 46 40,391 107 28 24,472	161,90 (1,67)
			Độ cao mặt đất (m)
			160,23

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 27/5 đến cột mốc số 28 là 127°49'58,787", khoảng cách là 409,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 28 đến cột mốc số 28/1 là 96°17'09,772", khoảng cách là 445,24m.	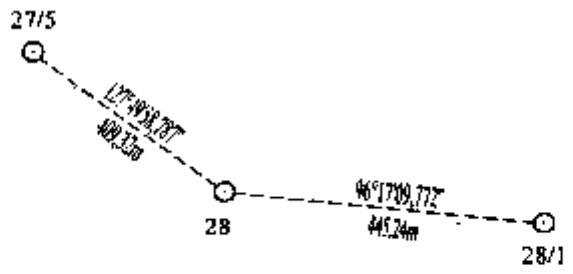

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 28/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 03 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 28/1 cắm trên giông núi.	1524488,56 767882.60	13 46 38,658 107 28 39,180	143,71 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			142.51
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 28 đến cột mốc số 28/1 là 96°17'09.772", khoảng cách là 445.24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 28/1 đến cột mốc số 28/2 là 96°18'07.205", khoảng cách là 382.71m.	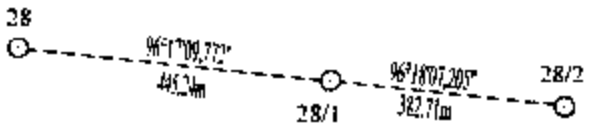		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 28/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 02 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 28/2 cắm trên giông núi.	1524446,55 768263,00	13 46 37,164 107 28 51,823	158,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			157,07
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 28/1 đến cột mốc số 28/2 là 96°18'07,205". khoảng cách là 382,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 28/2 đến cột mốc số 29 là 96°17'08,497". khoảng cách là 510,84m.	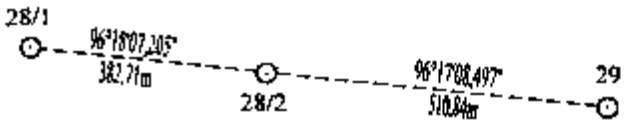		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 29

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 13 tháng 01 năm 2011

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 29 cắm trên giông núi.	1524390.62 768770.77	13 46 35.174 107 29 08.698	155.30 (1.62) Độ cao mặt đất (m) 153.68

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 28/2 đến cột mốc số 29 là 96°17'08.497", khoảng cách là 510.84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29 đến cột mốc số 29/1 là 124°59'59.088", khoảng cách là 285.53m.	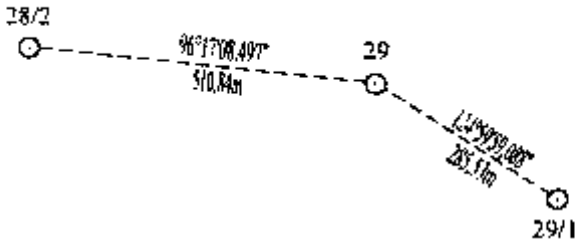

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 29/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 29/1 cắm trên giông núi.	1524226.85 769004.66	13 46 29.769 107 29 16.424	155,75 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			154,55

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29 đến cột mốc số 29/1 là 124°59'59.088", khoảng cách là 285.53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/1 đến cột mốc số 29/2 là 125°00'11.390", khoảng cách là 341.18m.	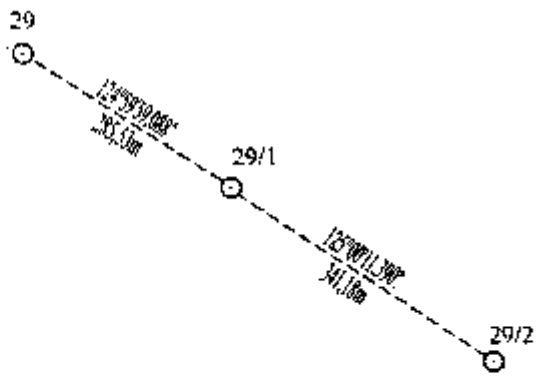

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 29/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 29/2 cắm trên giông núi.	1524031.14 769284.13	13 46 23,311 107 29 25,656	161,00 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			159,80

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/1 đến cột mốc số 29/2 là 125°00'11,390", khoảng cách là 341.18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/2 đến cột mốc số 29/3 là 125°00'31,950", khoảng cách là 228.36m.	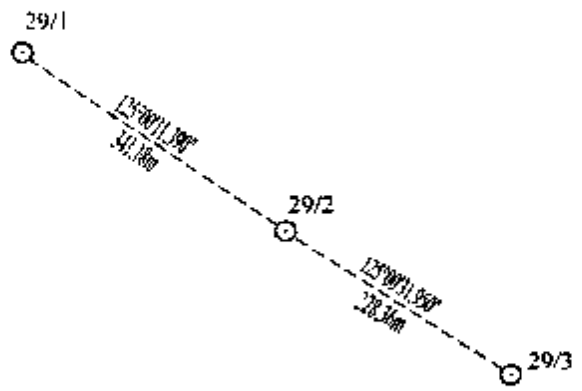

189

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 29/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 29/3 cắm trên sống núi.	1523900,13 769471,17	13 46 18,987 107 29 31,834	189,58 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			188,38
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/2 đến cột mốc số 29/3 là 125°00'31,950", khoảng cách là 228,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/3 đến cột mốc số 29/4 là 125°00'12,536", khoảng cách là 446,37m.	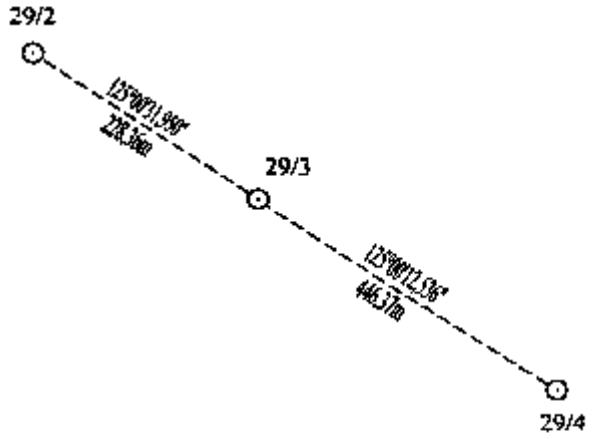		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 29/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 29/4 cắm trên sống núi	1523644,08 769836,80	13 46 10,537 107 29 43,910	194,36 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			193,16

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/3 đến cột mốc số 29/4 là 125°00'12,536", khoảng cách là 446,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/4 đến cột mốc số 30 là 125°00'05,156", khoảng cách là 329,15m.	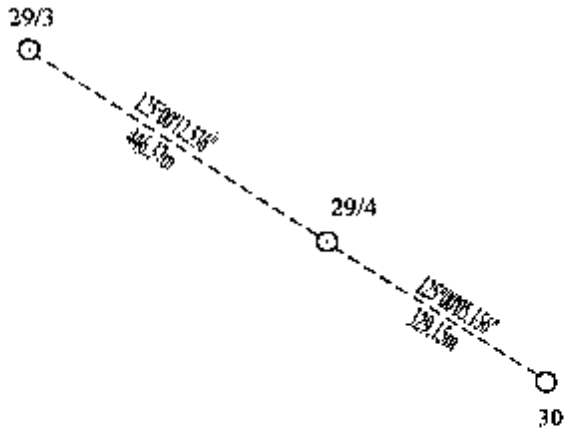

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 30

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại A	Đá hoa cương	Ngày 26 tháng 12 năm 2015

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 30 cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (Việt Nam) - O Ya Dav (Campuchia), là điểm giao giữa quốc lộ số 19 (Việt Nam) và đường số 78 (Campuchia) với đường biên giới.	1523455,28 770106,42	13 46 04,306 107 29 52,816	183,25 (3,55) Độ cao mặt đất (m) 179,70

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 29/4 đến cột mốc số 30 là 125°00'05,156", khoảng cách là 329.15m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 30 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	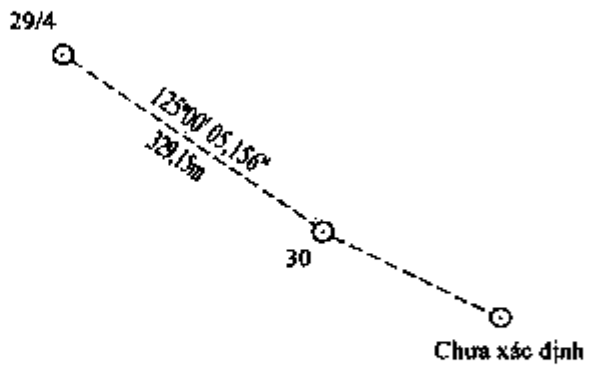

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 40

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 21 tháng 01 năm 2015	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 40 cắm trong rừng.	1478504,90 785006,45	13 21 37,451 107 37 52,413	162,46 (2,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			159,96
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 40 là .... khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 40 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.			

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 41

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 05 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 41 cắm trên đất rừng.	1472238,19 782582,10	13 18 14,498 107 36 29,710	149,34 (3,50)
			Độ cao mặt đất (m)
			145,84
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 41 là ..., khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 41 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	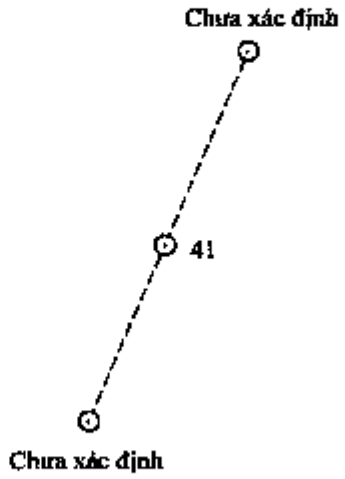		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 42

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 05 năm 2015

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 42 cắm trên đất rừng.	1458267,17 777177,14	13 10 41,977 107 33 25,495	149,14 (3,80)
			Độ cao mặt đất (m)
			145,34

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 42 là ..., khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 42 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	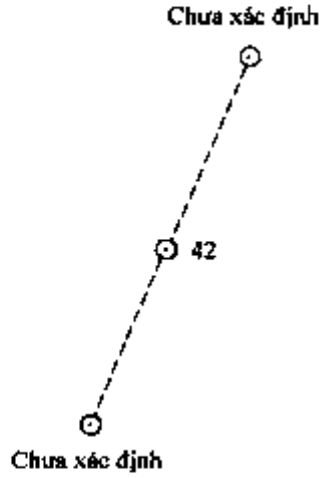

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 43

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 05 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 43 cắm trên đất rừng.	1451961,86 774737,78	13 07 17,724 107 32 02,429	172,77 (3,40)
			Độ cao mặt đất (m)
			169,37

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 43 là ..., khoảng cách là ... m. Góc phương vị toạ độ cột mốc số 43 đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.	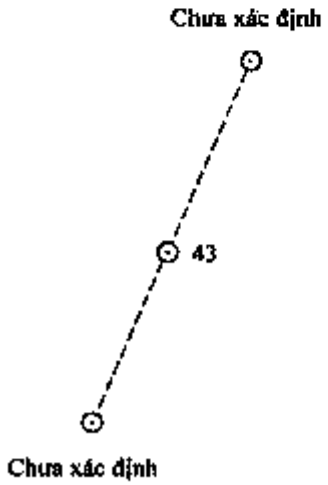

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại C	Đá hoa cương	Ngày 06 tháng 10 năm 2008

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44 cắm giữa suối không tên.	1441468,13 770678,09	13 01 37,759 107 29 44,288	166,18 (4.00) Độ cao mặt đất (m) 162,18

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 44 là ..., khoảng cách là ... m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44 đến cột mốc số 44/1(1) là 224°43'31,632", khoảng cách là 203,93m.	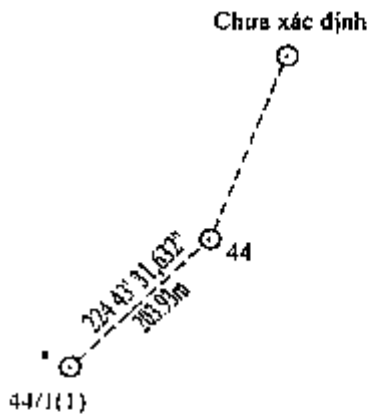

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/1(1) cắm trên bờ suối không tên phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 44/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/1(1) và cột mốc số 44/1(2) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 18,23m.	1441381,06 770493,68	13 01 34,986 107 29 38,143	164,31 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 163,11

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44 đến cột mốc số 44/1(1) là 244°43'31,632", khoảng cách là 203,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/1(1) đến cột mốc số 44/1(2) là 89°41'12,425", khoảng cách là 49,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/1(1) đến cột mốc số 44/2(1) là 166°14'06,085", khoảng cách là 392,91m.	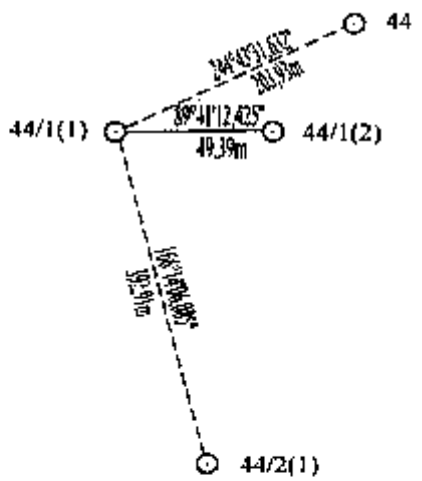

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/1(2) cắm trên bờ suối không tên phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 44/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/1(2) và cột mốc số 44/1(1) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 31,16m.	1441381.33 770543.07	13 01 34.979 107 29 39.781	163,62 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 162,42

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44 đến cột mốc số 44/1(2) là 237°15'51,641", khoảng cách là 160,51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/1(1) đến cột mốc số 44/1(2) là 89°41'12,425", khoảng cách là 49,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/1(2) đến cột mốc số 44/2(1) là 173°24'46,549", khoảng cách là 384,44m.	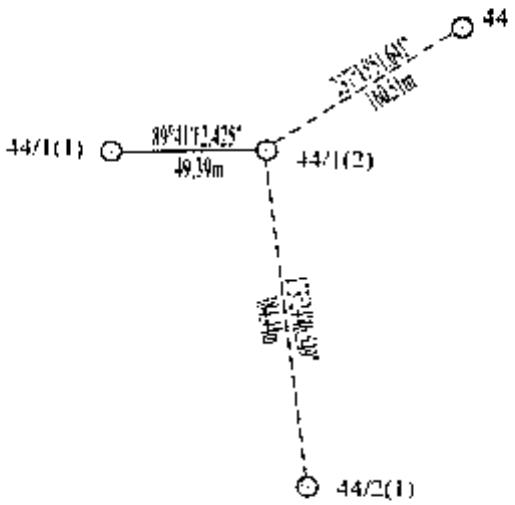

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/2(1) cắm trên bờ suối không tên phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 44/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/2(1) và cột mốc số 44/2(2) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 17.27m.	1440999,43 770587,17	13 01 22,545 107 29 41,120	157,80 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 156,60

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/1(2) đến cột mốc số 44/2(1) là 173°24'46,549", khoảng cách là 384,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/2(1) đến cột mốc số 44/2(2) là 113°41'31,927", khoảng cách là 31,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/2(1) đến cột mốc số 44/3(1) là 238°31'44,258", khoảng cách là 404,07m.	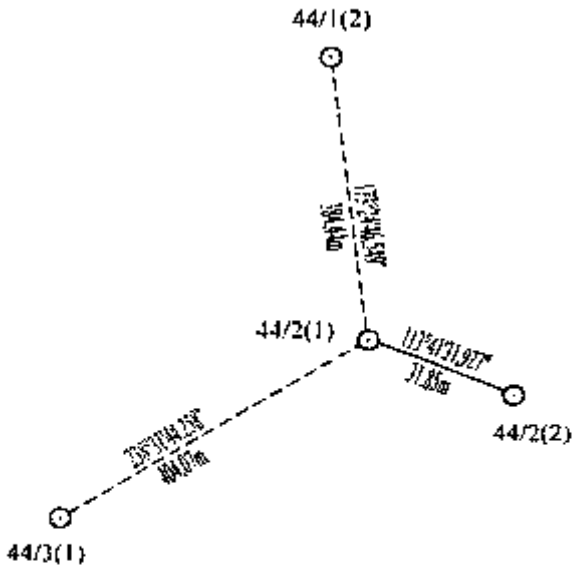

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/2(2) cắm trên bờ suối không tên phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 44/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/2(2) và cột mốc số 44/2(1) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 14.58m.	1440986.63 770616.34	13 01 22.118 107 29 42.083	158,03 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 156.83

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/1(2) đến cột mốc số 44/2(2) là 169°29'01,053", khoảng cách là 401,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/2(1) đến cột mốc số 44/2(2) là 113°41'31,927", khoảng cách là 31,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/2(2) đến cột mốc số 44/3(1) là 242°04'19,569", khoảng cách là 423,07m.	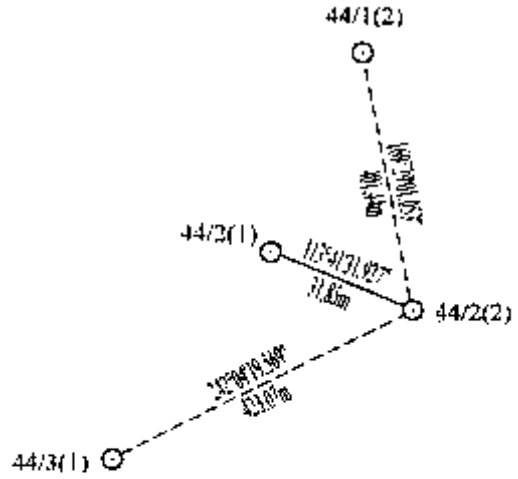

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/3(1) cắm trên bờ suối không tên phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 44/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/3(1) và cột mốc số 44/3(2) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 17,56m.	1440788,48 770242,54	13 01 15,794 107 29 29,621	156,43 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 155,23

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/2(2) đến cột mốc số 44/3(1) là 242°04'19,569", khoảng cách là 423,07m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/3(1) đến cột mốc số 44/3(2) là 126°37'34,084", khoảng cách là 31,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/3(1) đến cột mốc số 44/4(1) là 182°07'22,741", khoảng cách là 269,68m.	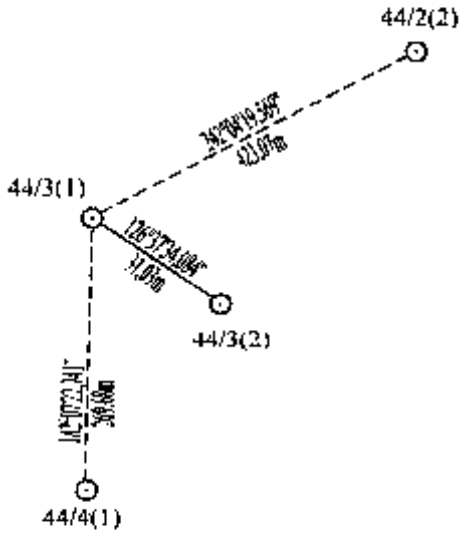

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/3(2) cắm trên bờ suối không tên phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 44/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/3(2) và cột mốc số 44/3(1) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 13.47m.	1440769.97 770267.44	13 01 15.183 107 29 30.440	155.44 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 154.24

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/2(2) đến cột mốc số 44/3(2) là 238°09'37.932", khoảng cách là 410.70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/3(1) đến cột mốc số 44/3(2) là 126°37'34.084", khoảng cách là 31.03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/3(2) đến cột mốc số 44/4(1) là 187°54'51.318", khoảng cách là 253.39m.	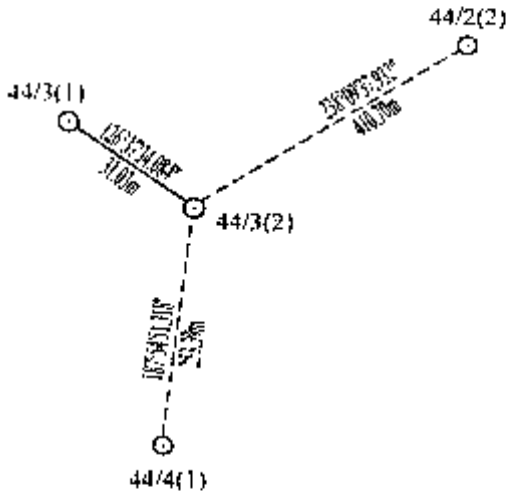

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 06 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/4(1) cắm trên bờ suối không tên phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 44/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/4(1) và cột mốc số 44/4(2) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 13.65m.	1440518,99 770232,55	13 01 07,032 107 29 29,201	157,16 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			155,96

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/3(2) đến cột mốc số 44/4(1) là 187°54'51,318", khoảng cách là 253,39m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/4(1) đến cột mốc số 44/4(2) là 120°01'35,349", khoảng cách là 28,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/4(1) đến cột mốc số 44/5(1) là 193°15'29,158", khoảng cách là 261,27m.	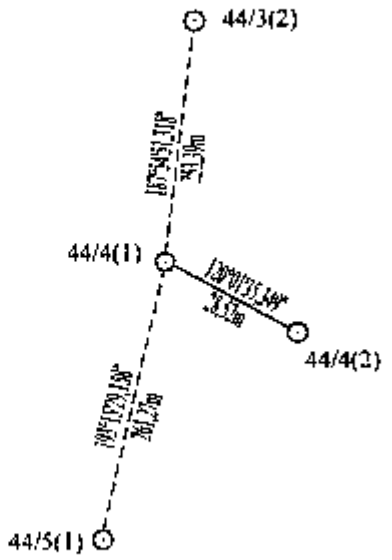

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/4(2) cắm trên bờ suối không tên phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 44/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/4(2) và cột mốc số 44/4(1) với trung tuyến dòng chảy của suối không tên là 14,87m.	1440504.72 770257,24	13 01 06,560 107 29 30,015	157.57 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 156.37

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/3(2) đến cột mốc số 44/4(2) là 182°12'07,860", khoảng cách là 265,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/4(1) đến cột mốc số 44/4(2) là 120°01'35,349", khoảng cách là 28,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/4(2) đến cột mốc số 44/5(1) là 199°25'00,061", khoảng cách là 254,52m.	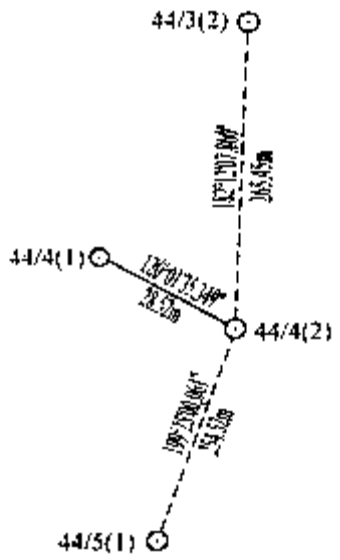

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/5(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 44/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/5(1) và cột mốc số 44/5(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 81,79m.	1440264,68 770172,63	13 00 58,780 107 29 27,131	157,79 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			156,59
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/4(2) đến cột mốc số 44/5(1) là 199°25'00,061", khoảng cách là 254,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/5(1) đến cột mốc số 44/5(2) là 129°08'04,466", khoảng cách là 157,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/5(1) đến cột mốc số 45(1) là 169°53'59,530", khoảng cách là 226,55m.	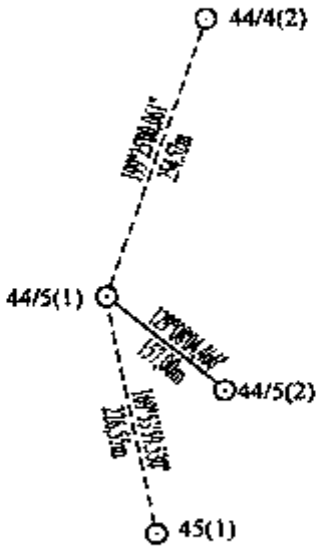		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 44/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 44/5(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 44/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 44/5(2) và cột mốc số 44/5(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 75.21m.	1440165.59 770294.41	13 00 55,519 107 29 31,138	157,00 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 155,80
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/4(2) đến cột mốc số 44/5(2) là 173°44'42,436", khoảng cách là 341,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/5(1) đến cột mốc số 44/5(2) là 129°08'04,466", khoảng cách là 157,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/5(2) đến cột mốc số 45(1) là 213°30'10,743", khoảng cách là 148,65m.	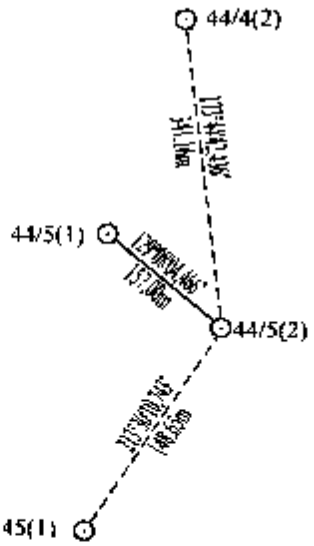		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 7 năm 2007

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45(1) và cột mốc số 45(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 50,69m.	1440041.64 770212.36	13 00 51.514 107 29 28.376	159.30 (1.65) Độ cao mặt đất (m) 157.65

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/5(2) đến cột mốc số 45(1) là 213°30'10,743", khoảng cách là 148,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45(1) đến cột mốc số 45(2) là 77°53'08,667", khoảng cách là 131,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45(1) đến cột mốc số 45/1(1) là 179°30'05,702", khoảng cách là 755,27m.	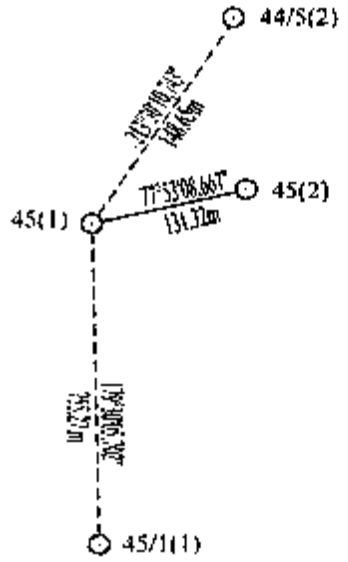

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 07 tháng 7 năm 2007	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45(2) và cột mốc số 45(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 80.63m.	1440069.20 770340.76	13 00 52.369 107 29 32.644	160.08 (1,77) Độ cao mặt đất (m) 158.31
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 44/5(2) đến cột mốc số 45(2) là 154°19'08,422", khoảng cách là 106.96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45(1) đến cột mốc số 45(2) là 77°53'08,667", khoảng cách là 131,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45(2) đến cột mốc số 45/1(1) là 188°50'46,254", khoảng cách là 792,22m.	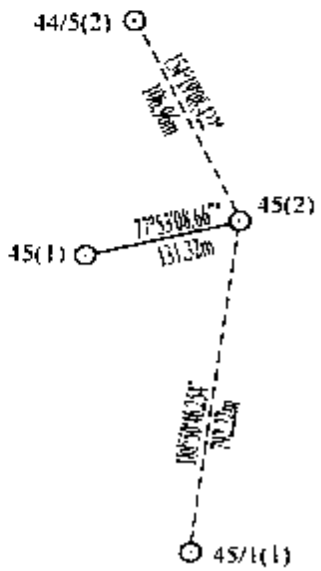		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/1(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/1(1) và cột mốc số 45/1(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 46,24m.	1439286,40 770218,93	13 00 26,949 107 29 28,349	160,48 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			159,28
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45(2) đến cột mốc số 45/1(1) là 188°50'46,254", khoảng cách là 792,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/1(1) đến cột mốc số 45/1(2) là 111°30'22,214", khoảng cách là 95,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/1(1) đến cột mốc số 45/2(1) là 178°01'06,928", khoảng cách là 802,02m.	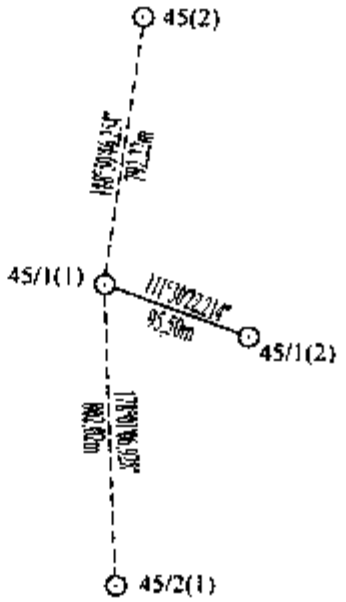		

BANG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ: Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ: Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 45/1(2) cắm trên bờ suối Đak Đâm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/1(2) và cột mốc số 45/1(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Đak Đâm là 49.26m.	1439251.39 770307.78	13 00 25.782 107 29 31.285	160.39 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 159.19

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45(2) đến cột mốc số 45/1(2) là 182°18'33.580", khoảng cách là 818,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/1(1) đến cột mốc số 45/1(2) là 111°30'22.214", khoảng cách là 95,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/1(2) đến cột mốc số 45/2(1) là 184°33'31.998", khoảng cách là 768,96m.	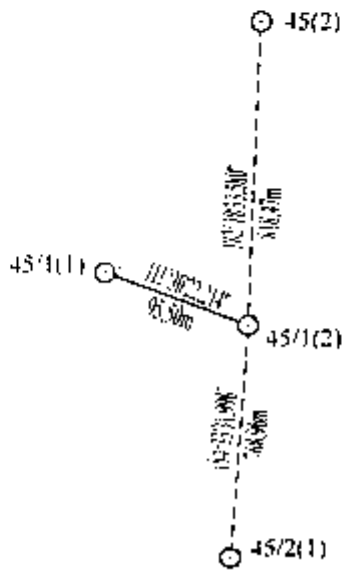

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/2(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/2(1) và cột mốc số 45/2(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 40,63m.	1438484,86 770246,66	13 00 00,872 107 29 29,008	161,68 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 160,48

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/1(2) đến cột mốc số 45/2(1) là 184°33'31,998", khoảng cách là 768,96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/2(1) đến cột mốc số 45/2(2) là 38°23'47,355", khoảng cách là 83,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/2(1) đến cột mốc số 45/3(1) là 112°54'26,298", khoảng cách là 803,77m.	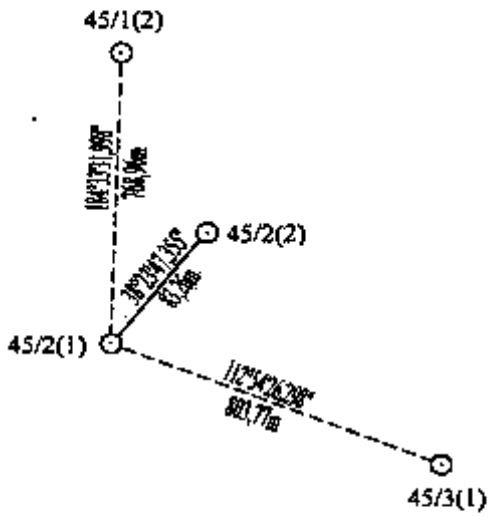

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/2(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/2(2) và cột mốc số 45/2(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 42.63m.	1438550.11 770298.37	13 00 02,978 107 29 30,745	159,69 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			158.49

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/1(2) đến cột mốc số 45/2(2) là 180°46'07.561", khoảng cách là 701.34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/2(1) đến cột mốc số 45/2(2) là 38°23'47,355", khoảng cách là 83,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/2(2) đến cột mốc số 45/3(1) là 118°46'07,373", khoảng cách là 785.64m.	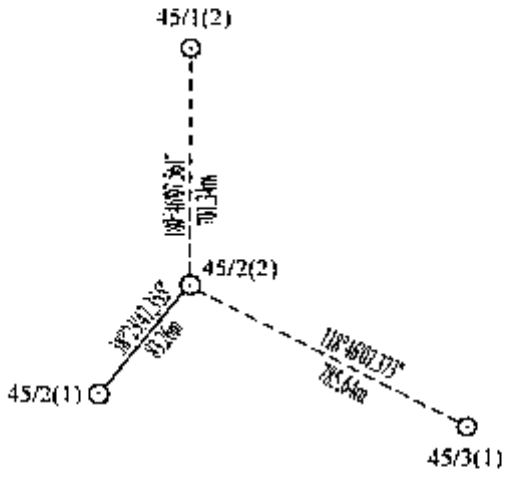

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/3(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/3(1) và cột mốc số 45/3(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 37,19m.	1438172,00 770987,04	12 59 50,461 107 29 53,462	160,15 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			158,95
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/2(2) đến cột mốc số 45/3(1) là 118°46'07,373", khoảng cách là 785,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/3(1) đến cột mốc số 45/3(2) là 79°13'17,632", khoảng cách là 73,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/3(1) đến cột mốc số 45/4(1) là 193°11'50,694", khoảng cách là 1014,56m.	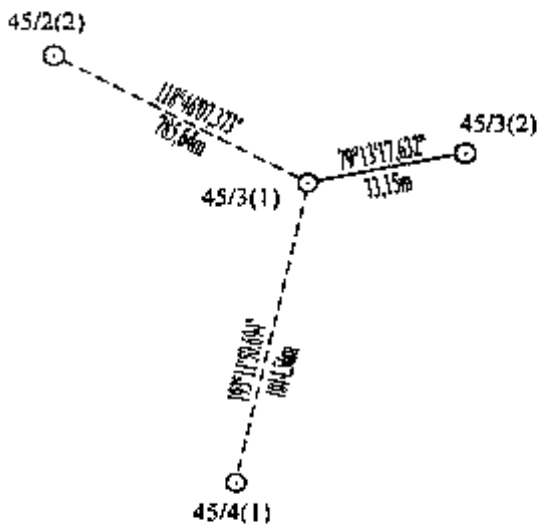		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/3(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/3(2) và cột mốc số 45/3(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 35,96m.	1438185.68 771058.90	12 59 50.883 107 29 55.850	160,65 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 159,45

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/2(2) đến cột mốc số 45/3(2) là 115°36'09,943", khoảng cách là 843,34m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/3(1) đến cột mốc số 45/3(2) là 79°13'17,632", khoảng cách là 73,15m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/3(2) đến cột mốc số 45/4(1) là 196°51'34,637", khoảng cách là 1046,42m.	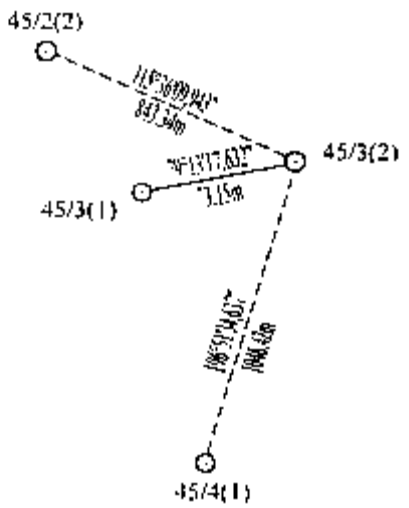

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/4(1) cắm trên bờ suối Đak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/4(1) và cột mốc số 45/4(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Đak Đăm là 62,58m.	1437184,24 770755,41	12 59 18,411 107 29 45,459	160,88 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			159,68
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/3(2) đến cột mốc số 45/4(1) là 196°51'34,637", khoảng cách là 1046,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/4(1) đến cột mốc số 45/4(2) là 102°53'38,498", khoảng cách là 142,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/4(1) đến cột mốc số 45/5(1) là 164°37'18,671", khoảng cách là 808,75m.	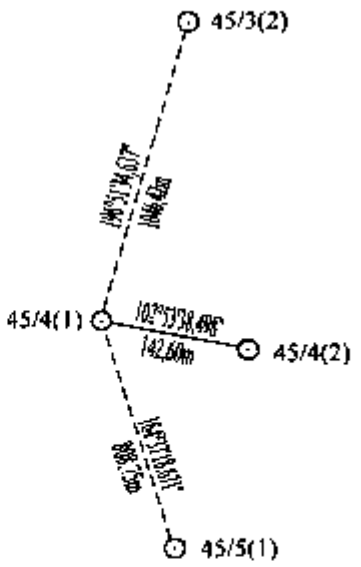		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/4(2) cắm trên bờ suối Đak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/4(2) và cột mốc số 45/4(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Đak Đăm là 80,02m.	1437152.42 770894.41	12 59 17.331 107 29 50.058	163,46 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 162,26

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/3(2) đến cột mốc số 45/4(2) là 189°02'43.112", khoảng cách là 1046,27m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/4(1) đến cột mốc số 45/4(2) là 102°53'38,498", khoảng cách là 142,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/4(2) đến cột mốc số 45/5(1) là 174°14'18.128", khoảng cách là 751.77m.	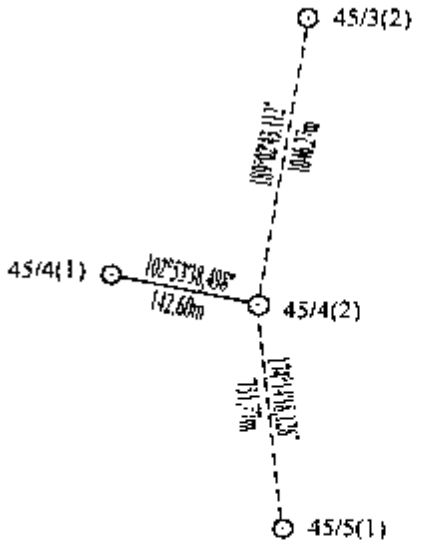

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 07 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/5(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/5(1) và cột mốc số 45/5(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 36,46m.	1436404,45 770969,88	12 58 52,981 107 29 52,318	162,77 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			161,57
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/4(2) đến cột mốc số 45/5(1) là 174°14'18,128", khoảng cách là 751,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/5(1) đến cột mốc số 45/5(2) là 51°00'29,608", khoảng cách là 81,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/5(1) đến cột mốc số 45/6(1) là 134°04'36,524", khoảng cách là 929,53m.	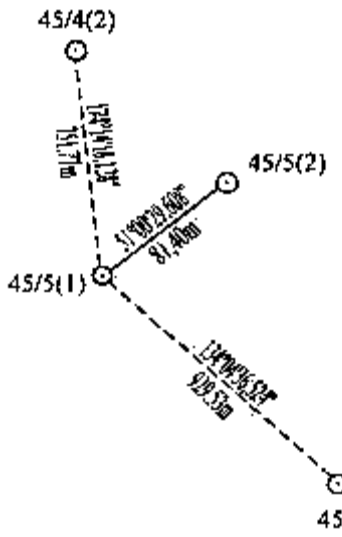		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/5(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/5(2) và cột mốc số 45/5(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 44.94m.	1436455.67 771033.15	12 58 54.627 107 29 54.433	163.82 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			162.62

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/4(2) đến cột mốc số 45/5(2) là 168°44'17.910", khoảng cách là 710.43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/5(1) đến cột mốc số 45/5(2) là 51°00'29.608", khoảng cách là 81.40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/5(2) đến cột mốc số 45/6(1) là 139°05'53.354", khoảng cách là 923.25m.	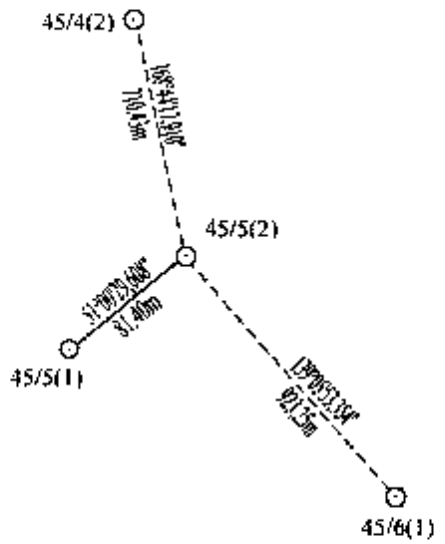

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/6(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/6(1) và cột mốc số 45/6(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 39,10m.	1435757,85 771637,66	12 58 31,739 107 30 14,253	164,41 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			163,21
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/5(2) đến cột mốc số 45/6(1) là 139°05'53,354", khoảng cách là 923,25m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/6(1) đến cột mốc số 45/6(2) là 92°14'24,735", khoảng cách là 79,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/6(1) đến cột mốc số 45/7(1) là 232°41'49,018", khoảng cách là 386,78m.	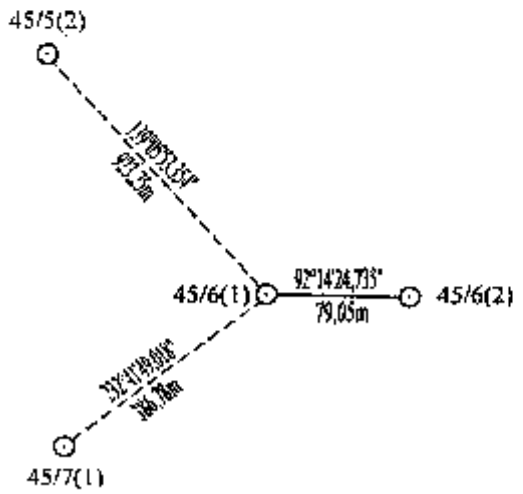		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/6(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/6(2) và cột mốc số 45/6(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 39,95m.	1435754,76 771716,65	12 58 31,613 107 30 16,872	166,21 (1.20)
			Độ cao mặt đất (m)
			165,01

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/5(2) đến cột mốc số 45/6(2) là 135°43'13.799", khoảng cách là 979,00m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/6(1) đến cột mốc số 45/6(2) là 92°14'24,735", khoảng cách là 79,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/6(2) đến cột mốc số 45/7(1) là 239°06'37.417", khoảng cách là 450.56m.	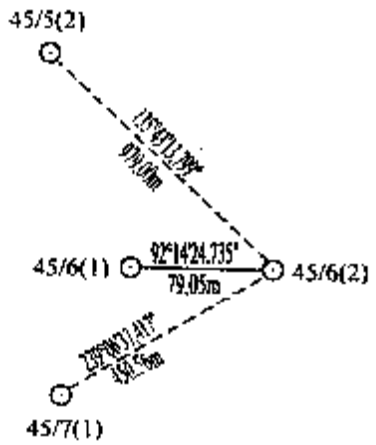

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/7(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/7(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/7(1) và cột mốc số 45/7(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 48,33m.	1435523,45 771330,00	12 58 24,214 107 30 03,974	166,23 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 165.03

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/6(2) đến cột mốc số 45/7(1) là 239°06'37,417", khoảng cách là 450,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/7(1) đến cột mốc số 45/7(2) là 161°10'56,890", khoảng cách là 96.14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/7(1) đến cột mốc số 45/8(1) là 277°40'50,608", khoảng cách là 666,80m.	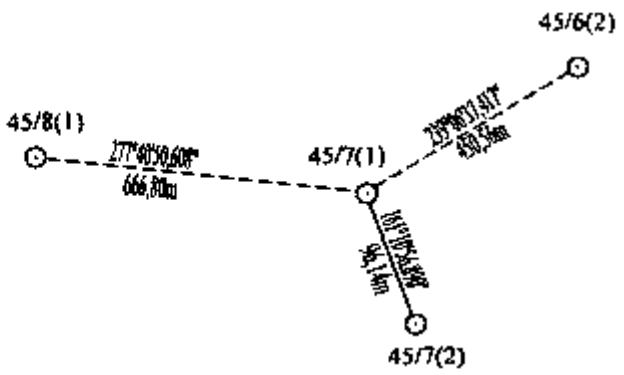

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/7(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/7(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/7(2) và cột mốc số 45/7(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 47.81m.	1435432,45 771361,01	12 58 21,245 107 30 04,973	166,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 165,15

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/6(2) đến cột mốc số 45/7(2) là 227°48'52,422", khoảng cách là 479,96m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/7(1) đến cột mốc số 45/7(2) là 161°10'56,890", khoảng cách là 96,14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/7(2) đến cột mốc số 45/8(1) là 284°35'35,369", khoảng cách là 714,89m.	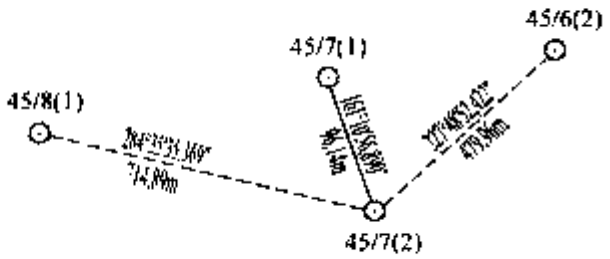

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/8(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/8(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/8(1) và cột mốc số 45/8(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 63,61m.	1435612,57 770669,18	12 58 27,323 107 29 42,089	167,44 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			166,24
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/7(2) đến cột mốc số 45/8(1) là 284°35'35,369", khoảng cách là 714,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/8(1) đến cột mốc số 45/8(2) là 176°37'07,635", khoảng cách là 141,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/8(1) đến cột mốc số 45/9(1) là 240°12'35,724", khoảng cách là 1031,51m.	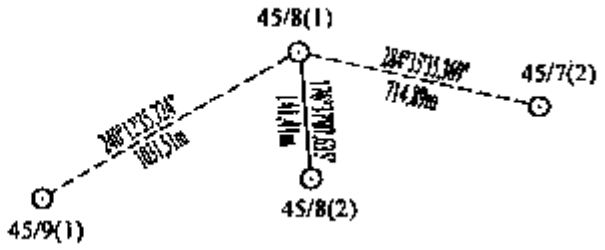		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/8(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/8(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/8(2) và cột mốc số 45/8(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 77.80m.	1435471.41 770677.52	12 58 22,729 107 29 42.320	165.97 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 164.77
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/7(2) đến cột mốc số 45/8(2) là 273°15'44.708". khoảng cách là 684,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/8(1) đến cột mốc số 45/8(2) là 176°37'07,635". khoảng cách là 141.41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/8(2) đến cột mốc số 45/9(1) là 247°39'33,239". khoảng cách là 976.86m.	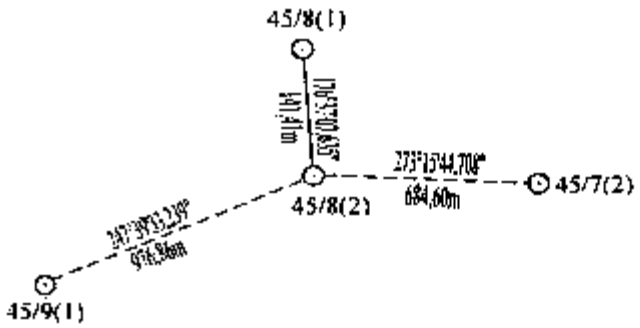		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/9(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/9(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/9(1) và cột mốc số 45/9(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 33,44m.	1435100,09 769773,98	12 58 10,940 107 29 12,236	167,36 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 166,16

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/8(2) đến cột mốc số 45/9(1) là 247°39'33,239", khoảng cách là 976,86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/9(1) đến cột mốc số 45/9(2) là 116°06'56,104", khoảng cách là 72,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/9(1) đến cột mốc số 45/10(1) là 149°59'13,255", khoảng cách là 636,97m.	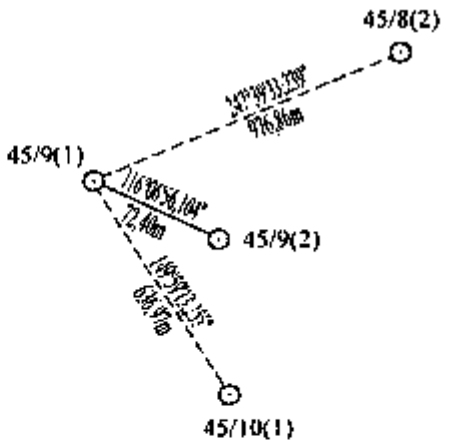

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/9(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/9(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/9(2) và cột mốc số 45/9(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 38,96m.	1435068.22 769838.99	12 58 09,882 107 29 14,381	168.02 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 166.82

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/8(2) đến cột mốc số 45/9(2) là 244°19'13,358", khoảng cách là 930,43m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/9(1) đến cột mốc số 45/9(2) là 116°06'56,104", khoảng cách là 72,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/9(2) đến cột mốc số 45/10(1) là 153°59'18,242", khoảng cách là 578,27m.	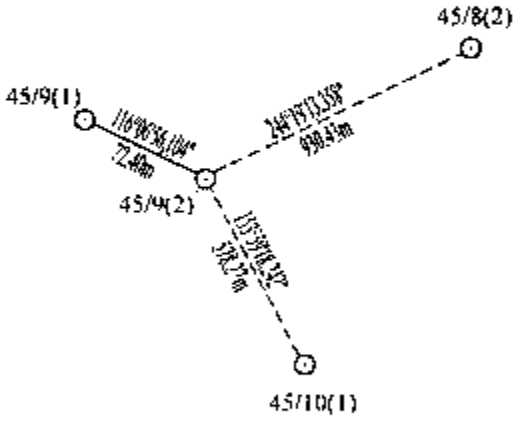

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/10(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 45/10(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/10(1) và cột mốc số 45/10(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 34,94m.	1434548,53 770092,59	12 57 52,900 107 29 22,623	168,40 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			167,20
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/9(2) đến cột mốc số 45/10(1) là 153°59'18,242", khoảng cách là 578,27m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(1) đến cột mốc số 45/10(2) là 99°37'17,042", khoảng cách là 68,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(1) đến cột mốc số 46(1) là 204°03'02,773", khoảng cách là 825,04m.	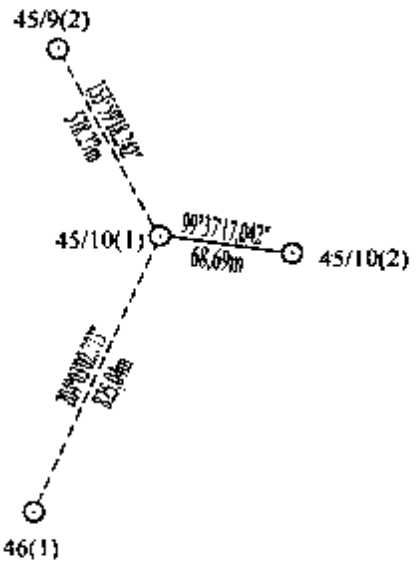		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 45/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 45/10(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 45/10(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 45/10(2) và cột mốc số 45/10(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 33.75m.	1434537.05 770160.31	12 57 52,506 107 29 24,865	169,67 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 168,47

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/9(2) đến cột mốc số 45/10(2) là 148°49'44.582", khoảng cách là 620,80m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(1) đến cột mốc số 45/10(2) là 99°37'17.042", khoảng cách là 68,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(2) đến cột mốc số 46(1) là 208°34'01.373", khoảng cách là 844,77m.	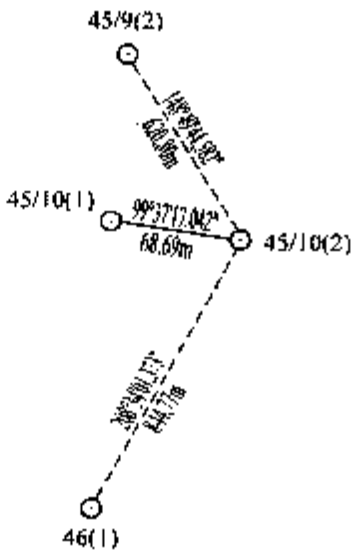

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 7 năm 2007

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm và trung tuyến dòng chảy của suối Phlai chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 63,30m. Khoảng cách từ cột mốc số 46(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 46(2) là 78,43m. Khoảng cách từ cột mốc số 46(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 46(3) là 59,17m.	1433795,12 769756,35	12 57 28,504 107 29 11,230	171,17 (1,66) Độ cao mặt đất (m) 169,51

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(2) đến cột mốc số 46(1) là 208°34'01,373", khoảng cách là 844,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46(2) là 230°45'57,682", khoảng cách là 113,46m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46(3) là 288°49'00,278", khoảng cách là 112,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(2) đến cột mốc số 46(3) là 350°01'26,570", khoảng cách là 109,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46/1(1) là 172°54'28,641", khoảng cách là 924,64m.	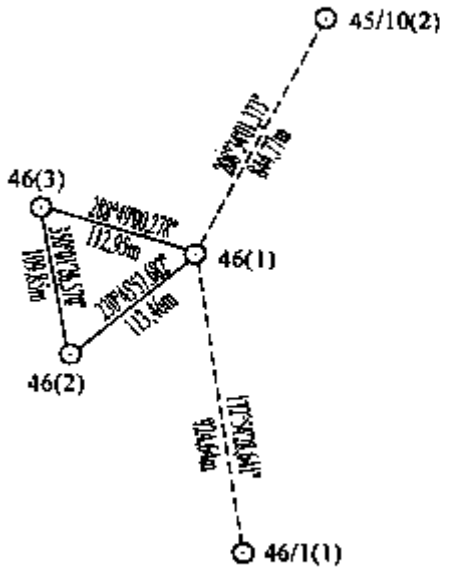

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 7 năm 2007

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm và trung tuyến dòng chảy của suối Phlai chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 69,31m. Khoảng cách từ cột mốc số 46(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 46(1) là 35,03m.	1433723,36 769668,47	12 57 26,198 107 29 08,292	169,95 (1,68) Độ cao mặt đất (m) 168,27

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(2) đến cột mốc số 46(2) là 211°09'04,052", khoảng cách là 950,79m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46(2) là 230°45'57,682", khoảng cách là 113,46m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46(3) là 288°49'00,278", khoảng cách là 112,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(2) đến cột mốc số 46(3) là 350°01'26,570", khoảng cách là 109,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(2) đến cột mốc số 46/1(1) là 166°33'55,487", khoảng cách là 869,61m.	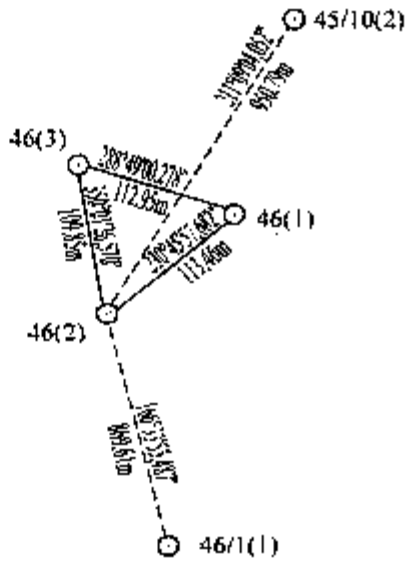

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 17 tháng 7 năm 2007

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46(3) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm và trung tuyến dòng chảy của suối Phlai chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 62,67m. Khoảng cách từ cột mốc số 46(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 46(1) là 53,78m.	1433831,55 769649,44	12 57 29,722 107 29 07,697	171,23 (1,70) Độ cao mặt đất (m) 169,53

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 45/10(2) đến cột mốc số 46(3) là 215°54'33,217", khoảng cách là 871,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46(2) là 230°45'57,682", khoảng cách là 113,46m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(1) đến cột mốc số 46(3) là 288°49'00,278", khoảng cách là 112,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(2) đến cột mốc số 46(3) là 350°01'26,570", khoảng cách là 109,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(3) đến cột mốc số 46/1(1) là 166°57'11,352", khoảng cách là 979,28m.	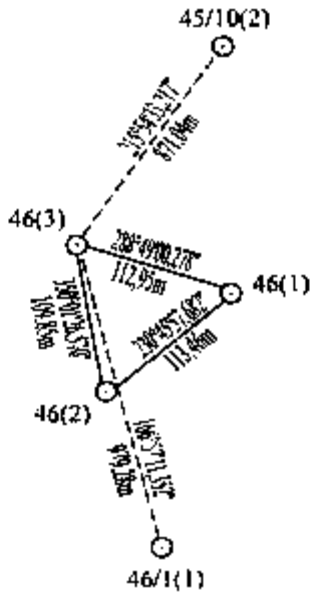

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/1(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/1(1) và cột mốc số 46/1(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 30,15m.	1432877,55 769870,51	12 56 58,625 107 29 14,719	171,00 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			169,80
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(3) đến cột mốc số 46/1(1) là 166°57'11,352", khoảng cách là 979,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/1(1) đến cột mốc số 46/1(2) là 130°28'11,076", khoảng cách là 61,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/1(1) đến cột mốc số 46/2(1) là 210°40'52,439", khoảng cách là 479,62m.	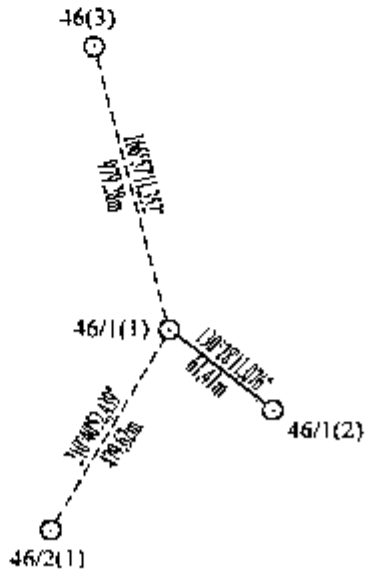		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/1(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/1(2) và cột mốc số 46/1(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 31,26m.	1432837,69 769917,23	12 56 57,314 107 29 16,256	170.73 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			169.53
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46(3) đến cột mốc số 46/1(2) là 164°55'12,361", khoảng cách là 1029,31m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/1(1) đến cột mốc số 46/1(2) là 130°28'11,076", khoảng cách là 61,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/1(2) đến cột mốc số 46/2(1) là 218°01'52,474", khoảng cách là 473,06m.	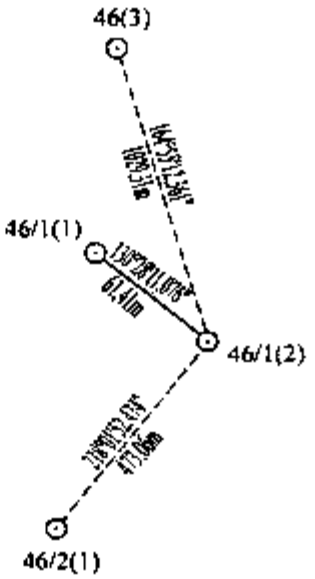		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/2(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/2(1) và cột mốc số 46/2(2) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 27,47m.	1432465,07 769625,78	12 56 45,288 107 29 06.471	171,82 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			170.62

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/1(2) đến cột mốc số 46/2(1) là 218°01'52.474", khoảng cách là 473,06m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/2(1) đến cột mốc số 46/2(2) là 104°04'19,236", khoảng cách là 58,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/2(1) đến cột mốc số 46/3(1) là 144°23'56.456", khoảng cách là 729,11m.	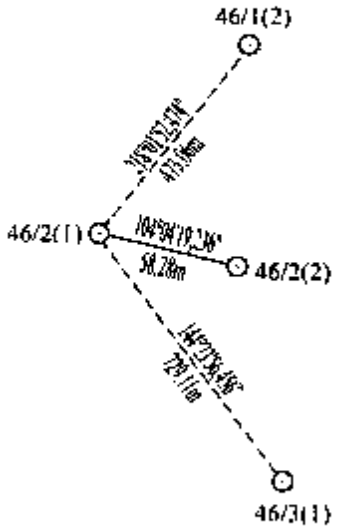

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/2(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/2(2) và cột mốc số 46/2(1) với trung tuyến dòng chảy của suối Dak Đăm là 30.81m.	1432450.90 769682,31	12 56 44,809 107 29 08.341	172,62 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 171,42

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/1(2) đến cột mốc số 46/2(2) là 211°16'21,855", khoảng cách là 452,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/2(1) đến cột mốc số 46/2(2) là 104°04'19,236", khoảng cách là 58,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/2(2) đến cột mốc số 46/3(1) là 147°33'06,992", khoảng cách là 685.72m.	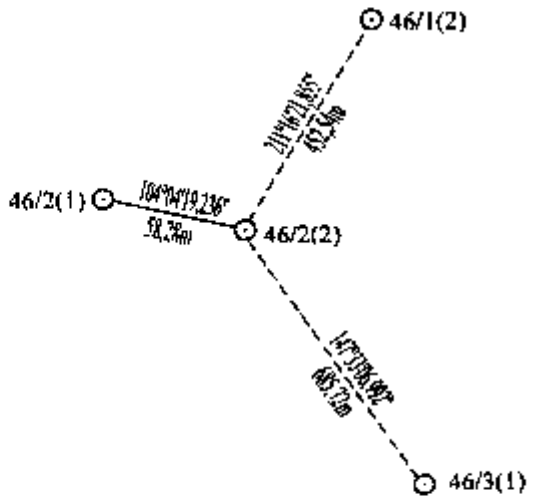

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/3(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/3(1) và cột mốc số 46/3(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 25.11m.	1431872,24 770050.22	12 56 25,873 107 29 20,353	173.17 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 171.97

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/2(2) đến cột mốc số 46/3(1) là 147°33'06,992", khoảng cách là 685.72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/3(1) đến cột mốc số 46/3(2) là 27°42'15,158", khoảng cách là 53,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/3(1) đến cột mốc số 46/4(1) là 142°23'15.709", khoảng cách là 679,32m.	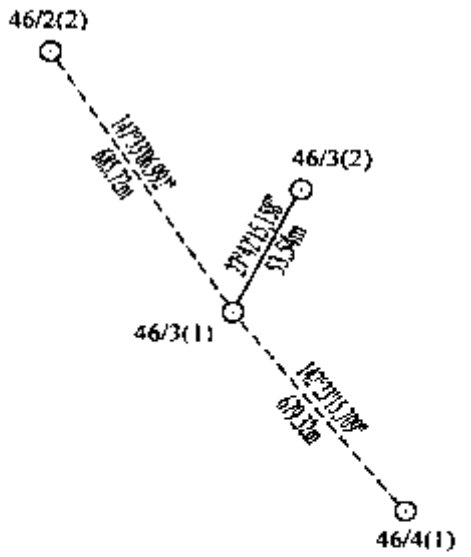

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/3(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/3(2) và cột mốc số 46/3(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 28,43m.	1431919,64 770075,11	12 56 27,407 107 29 21.195	173,56 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 172.36

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/2(2) đến cột mốc số 46/3(2) là 143°31'18,228", khoảng cách là 660,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/3(1) đến cột mốc số 46/3(2) là 27°42'15,158", khoảng cách là 53,54m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/3(2) đến cột mốc số 46/4(1) là 146°21'12.732", khoảng cách là 703,36m.	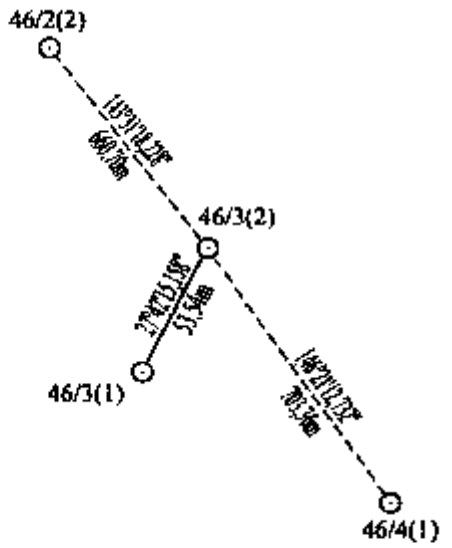

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/4(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/4(1) và cột mốc số 46/4(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 28,66m.	1431334,11 770464,82	12 56 08,240 107 29 33,927	174,25 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 173,05

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/3(2) đến cột mốc số 46/4(1) là 146°21'12.732", khoảng cách là 703,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/4(1) đến cột mốc số 46/4(2) là 104°30'35.580", khoảng cách là 61,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/4(1) đến cột mốc số 46/5(1) là 162°20'01.945", khoảng cách là 673,08m.	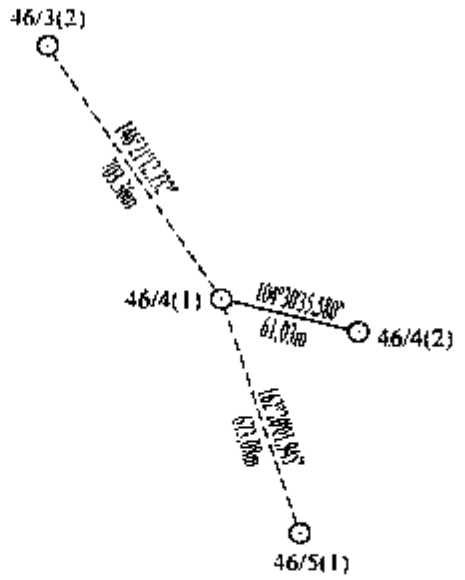

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/4(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/4(2) và cột mốc số 46/4(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 32,37m.	1431318,82 770523,90	12 56 07,724 107 29 35,881	175,34 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 174,14

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/3(2) đến cột mốc số 46/4(2) là 143°14'29,934", khoảng cách là 749,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/4(1) đến cột mốc số 46/4(2) là 104°30'35,580", khoảng cách là 61,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/4(2) đến cột mốc số 46/5(1) là 166°56'38,301", khoảng cách là 642,66m.	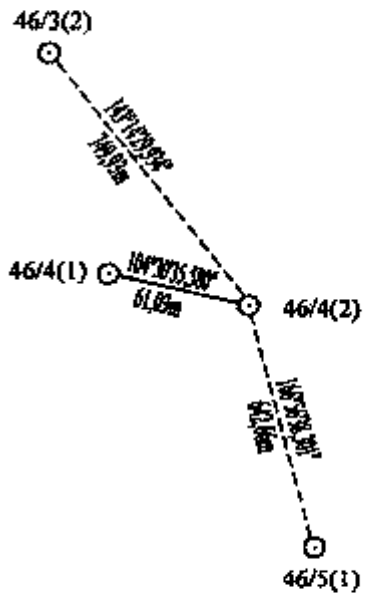

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/5(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/5(1) và cột mốc số 46/5(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 27.21m.	1430692.77 770669.08	12 55 47,317 107 29 40,492	177,20 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 176,00

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/4(2) đến cột mốc số 46/5(1) là 166°56'38,301", khoảng cách là 642.66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/5(1) đến cột mốc số 46/5(2) là 155°58'29.387", khoảng cách là 56.61m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/5(1) đến cột mốc số 46/6(1) là 185°02'46.418", khoảng cách là 697.94m.	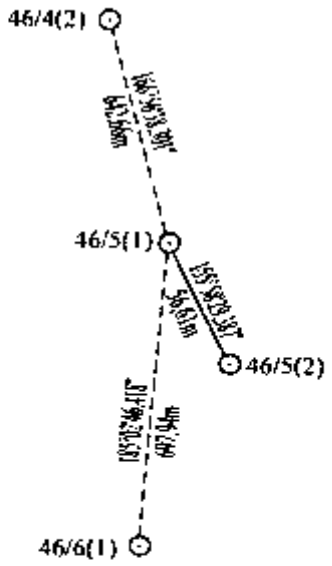

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/5(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/5(2) và cột mốc số 46/5(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 29.40m.	1430641,06 770692,13	12 55 45,628 107 29 41,240	177,30 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 176,10

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	So đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/4(2) đến cột mốc số 46/5(2) là 166°03'36,251", khoảng cách là 698,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/5(1) đến cột mốc số 46/5(2) là 155°58'29,387", khoảng cách là 56,61m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/5(2) đến cột mốc số 46/6(1) là 187°28'31,457", khoảng cách là 649,04m.	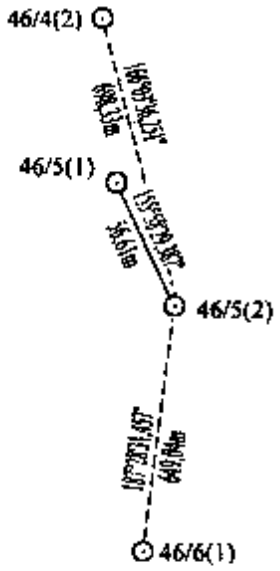

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/6(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/6(1) và cột mốc số 46/6(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 27,79m.	1429997.54 770607.69	12 55 24.725 107 29 38.232	179,33 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 178,13
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/5(2) đến cột mốc số 46/6(1) là 187°28'31,457", khoảng cách là 649,04m Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/6(1) đến cột mốc số 46/6(2) là 343°48'09,184", khoảng cách là 62,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/6(1) đến cột mốc số 46/7(1) là 144°11'37,686", khoảng cách là 832,69m.	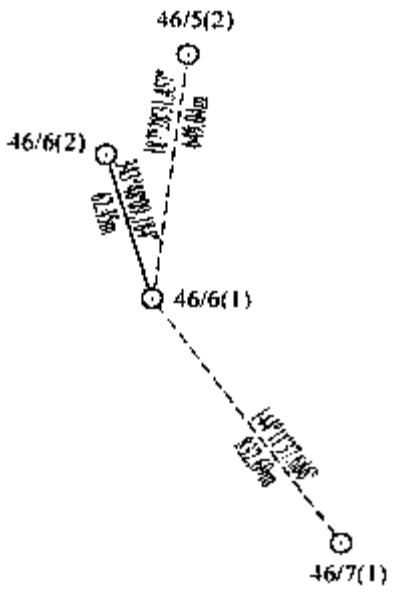		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/6(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/6(2) và cột mốc số 46/6(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 34,66m.	1430057,51 770590,27	12 55 26,681 107 29 37,674	178,49 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			177,29

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/5(2) đến cột mốc số 46/6(2) là 189°54'04.878". khoảng cách là 592,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/6(1) đến cột mốc số 46/6(2) là 343°48'09.184". khoảng cách là 62,45m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/6(2) đến cột mốc số 46/7(1) là 145°32'25.624". khoảng cách là 891,76m.	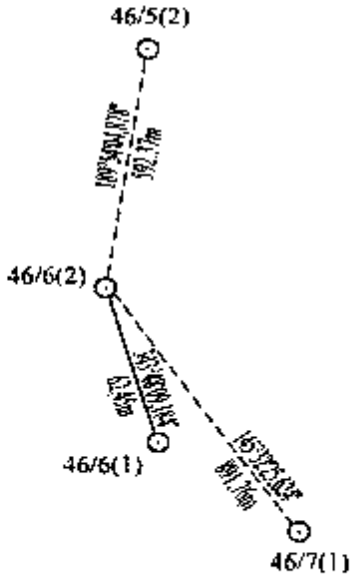

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/7(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/7(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/7(1) và cột mốc số 46/7(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 30.74m.	1429322,23 771094.85	12 55 02,608 107 29 54.166	180,05 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 178,85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/6(2) đến cột mốc số 46/7(1) là 145°32'25.624", khoảng cách là 891,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/7(1) đến cột mốc số 46/7(2) là 11°57'07.439", khoảng cách là 64,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/7(1) đến cột mốc số 46/8(1) là 147°15'34.508", khoảng cách là 457.85m.	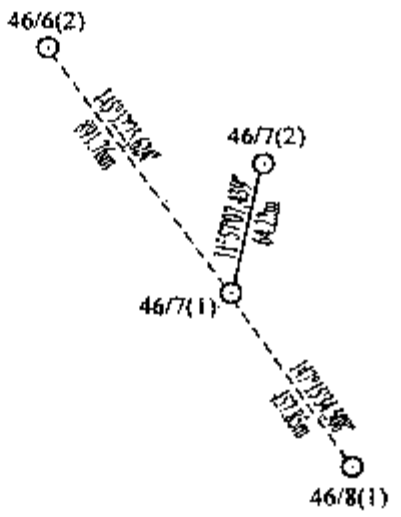

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 12 năm 2017

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/7(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/7(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/7(2) và cột mốc số 46/7(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 33,48m.	1429385,06 771108,15	12 55 04,647 107 29 54,627	180,07 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 178,87

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/6(2) đến cột mốc số 46/7(2) là 142°23'55,420", khoảng cách là 848,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/7(1) đến cột mốc số 46/7(2) là 11°57'07,439", khoảng cách là 64,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/7(2) đến cột mốc số 46/8(1) là 152°23'08,428", khoảng cách là 505,53m.	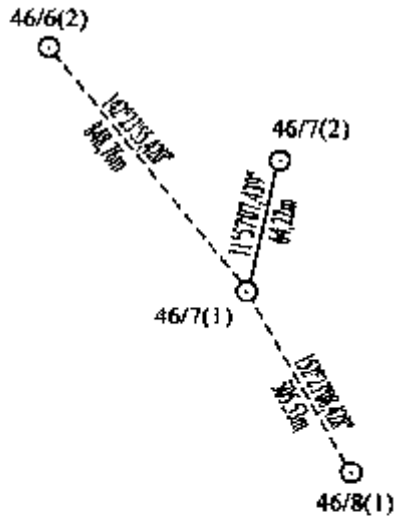

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 14 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/8(1) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 46/8(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/8(1) và cột mốc số 46/8(2) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 34.76m.	1428937.12 771342.47	12 54 50.004 107 30 02.251	182.20 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 181.00

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/7(2) đến cột mốc số 46/8(1) là 152°23'08.428", khoảng cách là 505.53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/8(1) đến cột mốc số 46/8(2) là 122°39'58.931", khoảng cách là 67.99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/8(1) đến cột mốc số 46/9(1) là 211°00'13.267", khoảng cách là 369.14m.	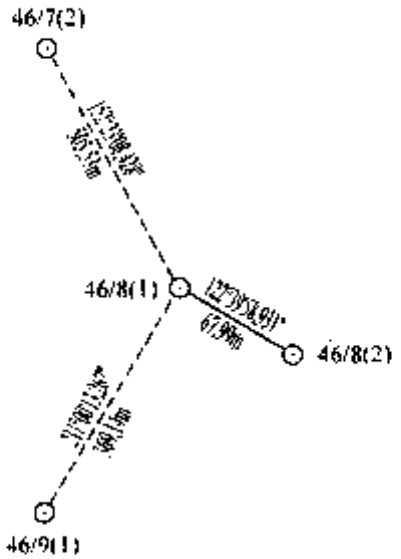

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 46/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 04 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 46/8(2) cắm trên bờ suối Dak Đăm phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 46/8(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 46/8(2) và cột mốc số 46/8(1) với trung tuyến dòng chảy chính của suối Dak Đăm là 33,23m.	1428900,42 771399,71	12 54 48,793 107 30 04,137	183,15 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			181,95
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/7(2) đến cột mốc số 46/8(2) là 148°58'07,803", khoảng cách là 565,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/8(1) đến cột mốc số 46/8(2) là 122°39'58,931", khoảng cách là 67,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 46/8(2) đến cột mốc số 46/9(1) là 221°29'27,872", khoảng cách là 373,40m.	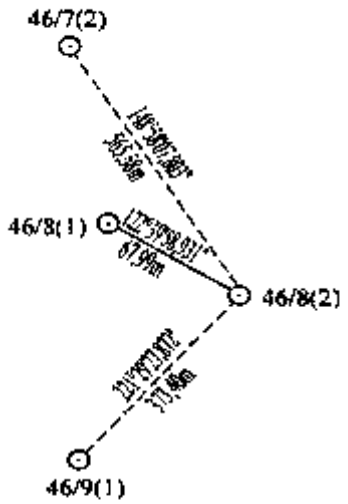		

248

(Xem tiếp Công báo số 163 + 164)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng